

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG ACC
Số: 14/2023/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 18 tháng 4 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã
Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3567.200

Fax: 0274.3567.201

Người thực hiện CBTT: Ông **Nguyễn Bảo Long** Chức vụ: **Người đại diện theo pháp luật**

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/4/2023 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CTY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



NGUYỄN BẢO LONG

THÔNG TIN CHUNG



1. Thông tin khái quát

Tên tiếng anh : **ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **BÌNH DƯƠNG ACC**

Giấy CNĐKDN : 3700926112

Vốn điều lệ : 1.049.999.930.000 (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.049.999.930.000 (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Địa chỉ : Lô D_3_CN, đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274 3567200

Fax : 0274 3567201

Email : becamexacc@gmail.com

Website : www.becamexacc.com.vn

Mã cổ phiếu : ACC



Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (tên cũ là: Công ty Cổ phần Bê tông Becamex) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa 2 Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng và Xí nghiệp công bê tông cốt thép trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH Một Thành Viên (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/3/2008 của UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/6/2008 với vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 1) bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Năm 2009, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22/12/2009.

Năm 2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng. Ngày 05/11/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 2).

Ngày 21/5/2012, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 3) bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 22/5/2014, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 4) bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.

Ngày 28/6/2014, Công ty mua 65.900 cổ phiếu BHCC của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương và ngày 30/7/2015 Công ty nhận được 19.770 cổ phiếu thường BHCC nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 85.670 cổ phiếu, chiếm 10,98% vốn điều lệ.

Ngày 10/7/2014, Công ty mua thêm 1.245.000 cổ phiếu HJC của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 2.490.000 cổ phiếu, chiếm 12,45% vốn điều lệ.

Ngày 19/6/2015, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 5) thay đổi Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 01/7/2015, Công ty mua 900.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG), chiếm 60% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của ABG.

Ngày 09/5/2016, Công ty nhận được Giấy xác nhận về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Trong năm 2017, Công ty đã góp vốn lần 2 tại Công ty Cổ phần Đá Ốp lát An Bình với 450.000 cổ phần do Công ty này phát hành cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng số cổ phần sở hữu lên 1.350.000 cổ phần.

Ngày 01/02/2019, Tổng Công ty Becamex IDC bán toàn bộ 7.336.704 cổ phần Công ty Cổ phần Bê tông Becamex mà mình sở hữu cho cổ đông khác.

Ngày 10/05/2019, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 6) Công ty Cổ phần Bê tông Becamex đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

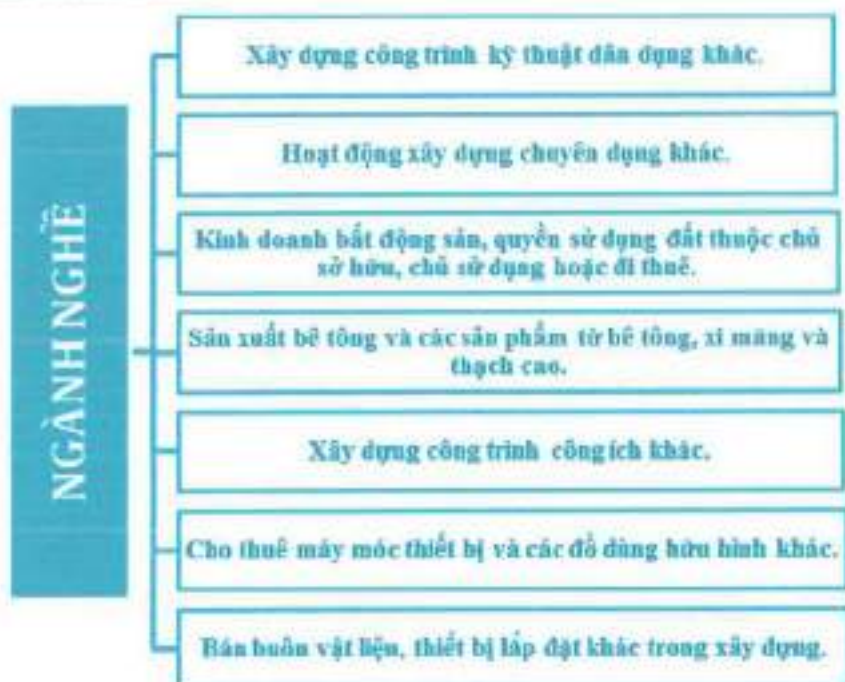
Ngày 21/12/2020, Công ty kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ. Ngày 09/02/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 7) tăng vốn điều lệ thành 300.000.000.000 đồng.

Ngày 9/4/2021, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 8) ông Nguyễn Bảo Long - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 15/2/2022, Công ty kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ. Ngày 24/2/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 9) tăng vốn điều lệ thành 1.049.999.930.000 đồng.



2. Ngành nghề kinh doanh chính



Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC trong địa bàn tỉnh Bình Dương, Bình Phước và một số tỉnh lân cận.



3. Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông (DHDCCĐ): là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

Hội đồng quản trị (HDQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại gồm có 5 thành viên.

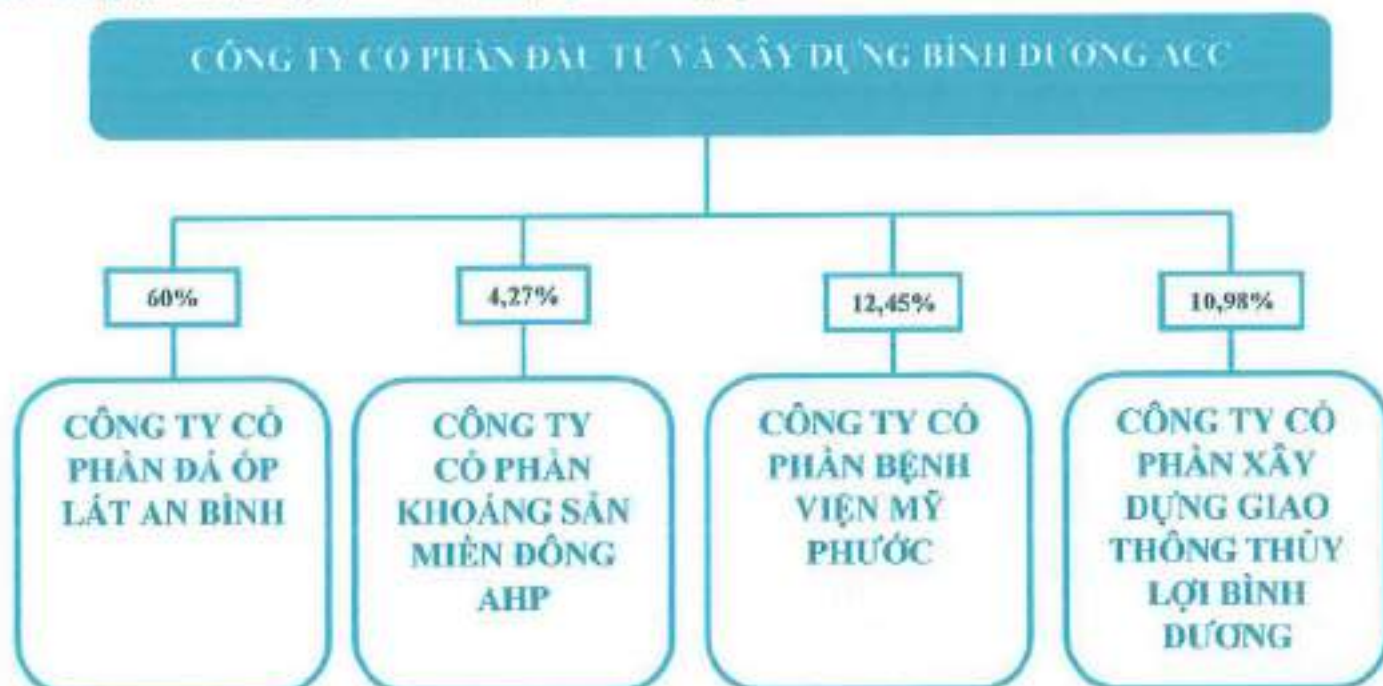
Ban kiểm soát: Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên.

Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất của Công ty; thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ công ty





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ÓP LÁT AN BÌNH (Tên viết tắt: ABG)

Vốn điều lệ	22.500.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng)
Tỷ lệ góp vốn	1.350.000 cổ phần, chiếm 60% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Hoạt động đập vỡ, nghiền đá)

CÔNG TY LIÊN KẾT, CÔNG TY ĐẦU TƯ, GÓP VỐN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP (BMJ)

Vốn điều lệ	1.049.999.780.000 đồng (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi đồng chẵn)
Tỷ lệ góp vốn	4.479.600 cổ phần, chiếm 4,27%/vốn điều lệ (Ngày 01/4/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã chuyển nhượng 4.479.600 quyền mua cổ phiếu BMJ, do đó đã giảm tỷ lệ sở hữu từ 14,93%/vốn điều lệ còn 4,27%/vốn điều lệ)
Địa chỉ trụ sở	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chi tiết: Khai thác khoáng sản trừ khai thác cát) và các ngành nghề kinh doanh khác như: vận tải hàng hóa; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Vốn điều lệ	200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
Tỷ lệ góp vốn	2.490.000 cổ phần, chiếm 12,45% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, Đường TC 3, tổ 6, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Hoạt động của bệnh viện; Hoạt động của phòng khám chữa bệnh; Bán buôn dược phẩm; Bán buôn máy móc, thiết bị y khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỦY LỢI BÌNH DƯƠNG (BHCC)

Vốn điều lệ	7.800.000.000 (Bảy tỷ tám trăm triệu đồng)
Tỷ lệ góp vốn	85.670 cổ phần, chiếm 10,98% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Số 225, Đường 30 Tháng 4, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu điện; Xây lắp điện trung hạ thế (đến 35KVA), hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu và biển báo giao thông; Trồng cây đô thị; Dịch vụ sơn kẻ vạch phân luồng bằng sơn nóng; Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu điện và công trình xây lắp điện trung thế, Thiết kế xây dựng cầu, đường bộ

4. Định hướng phát triển**Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ với giá cả cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tối đa hóa lợi nhuận và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.

Củng cố thị trường truyền thống, đẩy mạnh và phát huy việc mở rộng thị trường mới thông qua việc cung cấp cho thị trường các sản phẩm đảm bảo chất lượng, dịch vụ tốt với tinh thần trách nhiệm cao, phù hợp với yêu cầu và lợi ích khách hàng.

Với chính sách "*Chất lượng cho mọi công trình*", Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC cam kết không ngừng sáng tạo đem đến cho khách hàng những sản phẩm đảm bảo chất lượng về kỹ thuật, thẩm mỹ và độ an toàn cao.

Tiếp tục phát huy thế mạnh những ngành nghề chủ lực và phát triển đa dạng các dòng sản phẩm hiện có với giá cạnh tranh, lấy chuẩn mực tạo ra chất lượng, phát triển thêm ngành nghề kinh doanh bất động sản, đem lại lợi ích tối ưu cho khách hàng, đối tác và cổ đông.

Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

Đổi mới để phát triển, nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp vào công cuộc đổi mới của tỉnh nhà, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập, phúc lợi cho người lao động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty theo đuổi chính sách “*Chất lượng cho mọi công trình*”, vì vậy việc không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình là chiến lược xuyên suốt của Công ty.

Tăng cường quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Công ty một cách phù hợp thông qua việc đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, đặc biệt trong giai đoạn phát triển sản phẩm mới thông qua các công nghệ tiên tiến để tăng sản lượng, quy mô, đảm bảo đầu tư có hiệu quả và đúng thời điểm trong tương lai.

Tăng cường hợp tác đầu tư phát triển bắt động sản công nghiệp tại tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trên phạm vi cả nước, làm chủ đầu tư các Dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì và phát triển mở rộng các ngành nghề kinh doanh chủ lực sẵn có: sản xuất và thi công bê tông nhựa, sản xuất công và cầu kiện các loại, thi công xây dựng dân dụng và hạ tầng kỹ thuật... để tạo nguồn tài chính ổn định trong tương lai. Nguồn vốn sử dụng đầu tư bằng vốn tự có, vốn thu được từ phát hành thêm cổ phiếu, phát hành trái phiếu, vốn vay ngân hàng...

Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: đào tạo theo chiều sâu và có chọn lọc đối với cán bộ CNV Công ty để đảm bảo tính kế thừa, phát triển ổn định và bền vững.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Nhận thức được việc muốn phát triển bền vững thì doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật không những về hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn về đảm bảo quyền lợi cho người lao động, bảo vệ môi trường, vì vậy Bình Dương ACC luôn cố gắng không ngừng để mở rộng mạng lưới tiêu thụ, cải thiện các chính sách cho người lao động, đảm bảo thu nhập, nâng cao trình độ nhân sự, phát triển nguồn nhân lực và chú trọng công tác bảo vệ môi trường.

Luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại nhà máy và các công trình thi công, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, thi công. Kiểm tra định kỳ các máy móc thiết bị sản xuất, thi công, phương tiện vận tải, phân loại chất thải theo đúng quy định.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH:

Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng Công ty sẽ gặp phải những rủi ro về đặc thù ngành như sau:

Rủi ro cạnh tranh:

Nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, trước áp lực mở cửa thị trường và tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, Công ty cũng tăng cường công tác nghiên cứu, thâm nhập thị trường mới nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh về giá và thị phần giữa các doanh nghiệp trong nội bộ ngành. Hiện nay, Công ty phải chịu sức cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp hoạt động chung ngành nghề.

Ứng phó với rủi ro trên, Bình Dương ACC phải củng cố lại các mặt hoạt động, quản trị chi phí hiệu quả hơn nữa để giảm giá thành sản phẩm, dự trữ nguồn nguyên liệu chính, tìm kiếm nguồn cung ứng mới để giảm áp lực từ phía nhà cung cấp hiện tại, thâm nhập sâu hơn vào thị trường hiện hữu, phân loại khách hàng để có chính sách bán hàng thích hợp. Bên cạnh đó, dưới áp lực cạnh tranh ngày càng cao Công ty không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và công nghệ sản xuất, thi công để đáp ứng nhu cầu hiện nay.

Rủi ro về thị trường xây dựng và Bất động sản:

Thị trường xây dựng và bất động sản tiềm ẩn nhiều yếu tố xung quanh như: biến động giá nguyên vật liệu, cung cầu thị trường, chính sách của các Ngân hàng... Bất kỳ thay đổi đột ngột nào cũng có khả năng làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, sản xuất, thi công của Công ty.

Việc thu hồi nợ, quá trình giải ngân của các công trình thi công xong khá chậm do thời gian thi công thường kéo dài, việc nghiệm thu công trình hay bàn giao thường được thực hiện trễ hơn dự kiến, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như việc quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, sẽ ảnh hưởng một phần tới hoạt động quay vòng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về an toàn lao động:

Do tính đặc thù ngành nghề của công ty, vì vậy Công ty rất chú trọng đến công tác an toàn cho người lao động, ngoài việc Công ty thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn an toàn vệ sinh lao động định kỳ, trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ theo quy định, Ban An toàn lao động hàng tuần kiểm tra công tác an toàn lao động tại các công trường và nhà máy đồng thời truyền thông đến người lao động các quy định về an toàn lao động để giảm thiểu tối đa nguy cơ xảy ra tai nạn lao động trong sản xuất, thi công.

Rủi ro về luật pháp:



Là một Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, ngoài chịu điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, hoạt động của Công ty còn chịu điều chỉnh của Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành khác. Sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2022, nhiều văn bản pháp luật về xây dựng được ban hành để sửa đổi, bổ sung các quy định, do đó để hạn chế những rủi ro pháp luật phát sinh, Công ty luôn chú trọng theo dõi, nghiên cứu và cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Rủi ro khác:

Ngoài những rủi ro kể trên, Công ty luôn có ý thức phòng tránh các rủi ro bất khả kháng như: chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... Những rủi ro này mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Duy trì thường xuyên việc kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty, tham gia ký kết các hợp đồng bảo hiểm để phòng ngừa và giảm thiểu tối đa những tổn thất lớn có thể xảy ra.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022



(2)
5
10

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2022 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tiếp tục chịu ảnh hưởng bất lợi khi đối mặt với nhiều khó khăn của nền kinh tế, thị trường bất động sản suy giảm, giá cả chi phí đầu vào, chi phí nguyên vật liệu tăng cao, giá xăng dầu biến động do tình trạng khan hiếm... nhưng với quyết tâm, nỗ lực đồng lòng của toàn thể người lao động và Ban lãnh đạo, Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.093.227.230.646	700.183.364.119	64,0%
	<i>Sản xuất, kinh doanh & thi công BTNN</i>	160.046.146.151	153.096.898.252	95,7%
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	424.433.518.134	353.296.087.752	83,2%
	<i>Công BTCT, cầu kiện BTĐS</i>	86.094.114.306	53.420.033.146	62,0%
	<i>Doanh thu cung cấp HHDV, cho thuê XMTB</i>	40.000.000.000	80.876.789.656	202,2%
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	31.653.452.055	52.513.412.189	165,9%
	<i>Bất động sản</i>	350.000.000.000	-	0,0%
	<i>Thu nhập khác</i>	1.000.000.000	6.980.143.124	698,0%
2	Tổng chi phí	973.097.133.509	595.908.496.321	61,2%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	120.130.097.137	104.274.867.798	86,8%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.552.037.709	82.816.856.890	85,8%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG)**

ĐVT: Đồng

Sr	Chi tiêu	Thực hiện năm 2022
1	Tổng doanh thu	3.038.751.235
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	2.626.684.067
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	412.067.168
1.3	Thu nhập khác	-
2	Tổng chi phí	4.880.091.967
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	(1.841.340.732)
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.841.340.732)

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2022

ĐVT: Đồng

Sr	Chi tiêu	KH hợp nhất năm 2022	TH hợp nhất năm 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.102.227.230.646	702.139.192.802	63,7%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	121.176.297.137	103.206.204.592	85,2%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	97.388.997.709	81.593.658.179	83,8%
3.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	97.054.213.709	82.330.194.473	84,8%
3.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	334.784.000	-736.536.294	-220,0%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Tình hình đầu tư, góp vốn

Tính đến thời điểm 31/12/2022, tỷ lệ đầu tư góp vốn vào các Công ty như sau:

Công ty	BMJ	ABG	HJC	BHCC
Số cổ phần sở hữu	4.479.600	1.350.000	2.490.000	85.670
Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	4,27%	60%	12,45%	10,98%/

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã chuyển nhượng 4.479.600 quyền mua cổ phiếu BMJ cho bên khác, do đó đã giảm tỷ lệ sở hữu từ 14,93%/vốn điều lệ còn 4,27%/vốn điều lệ.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

ÔNG: NGÔ ANH QUÂN

Chức vụ : Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công Nghệ Thông Tin

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 29/3/2023): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ 08/2008 - 05/2016: Quản trị Mạng tại Công ty Tư vấn đầu tư phát triển và xây dựng Thiheco

Từ 06/2016 - 01/2017: Quản lý Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần FINTEC

Từ 02/2017 - 06/2020: Quản lý Tổ Chức - nhân sự - Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội (HICI)

Từ 06/2020 - 03/2021: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC ; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Từ 03/2021 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2022): Quản lý Tổ Chức - nhân sự - Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội (HICI); Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

ÔNG: NGUYỄN ĐỨC THUAN

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 29/3/2023): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ 05/2005 - 05/2009: Kế hoạch dự án Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 06/2009 - 06/2010: Trưởng phòng kinh tế - kế hoạch Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 07/2010- 06/2014 : Trưởng phòng kinh tế - kế hoạch Ban điều hành dự án Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 07/2014 - 04/2016 : Nhân viên phòng kế hoạch tổng kê Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 04/2016 - 12/2017: Trưởng phòng kế hoạch – Thi công Công ty TNHH ĐT TM& XD Hùng Anh(Chuyên xây dựng nhà, hoàn thiện nhà).

Từ 01/2018 - 03/2019 : Phó phòng kế hoạch tổng kê Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 04/2019 - 11/2020: Trưởng phòng Dự án kế hoạch/ Phó tổng phụ trách dự án Công ty CP ĐT Tân Minh.

Từ 12/2020 – 01/2021: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 02/2021 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2022): Không có.

ÔNG: PHẠM HỮU NGUYỄN

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 29/3/2023): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ tháng 01/2014 – 3/2017: Kỹ sư xây dựng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.

Từ tháng 4/2017 – 12/2017: Nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Hàn.

Từ tháng 13/3/2020 - 14/12/2020: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng kỹ thuật xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 15/12/2020 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2022): Trưởng phòng kế hoạch – kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội.

BÀ: NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc tài chính

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 29/3/2023): 2.450 cổ phần, chiếm 0,0023%.

Quá trình công tác:

Ngày 01/04/2003: Kế toán tại Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - CTCP.

Từ tháng 7/2008 đến tháng 2/2009: Kế toán kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ tháng 3/2009 đến ngày 28/2/2011: Phụ trách phòng kinh doanh kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 01/3/2011 đến 31/7/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 01/8/2015 đến 13/5/2019: Phó Tổng giám đốc phụ trách Phòng quản lý tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 14/5/2019 đến 31/12/2020: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 01/01/2021 đến nay: Phó TGD tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2022): Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước.

ÔNG: NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn : Xây dựng cầu đường
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 29/3/2023): 24 cổ phần, chiếm 0,00002%.

Quá trình công tác:

Từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2006: Giám sát thi công tại Xi nghiệp Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP).

Từ tháng 10/2006 đến tháng 6/2007: Phó Giám Đốc Xi nghiệp Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP).

Từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2008: Phó Giám đốc Xi nghiệp Sản xuất Vật liệu xây dựng Becamex.

Từ tháng 7/2008 đến 11/02/2020: Phó Tổng giám đốc - kiêm Trưởng Phòng kỹ thuật xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ ngày 12/02/2020 đến 14/12/2020: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ ngày 04/5/2022 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2022): Không.

ÔNG: LÊ HÙNG LAM

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm kể từ ngày 03/8/2022)
Trình độ chuyên môn : Kế toán – kiểm toán
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 29/3/2023): 175 cổ phần, chiếm 0,0001%.

Quá trình công tác:

Từ 07/2008 – 01/2015: nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 02/2015 – 07/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.

Từ 08/2015 – 07/2018: Phó phòng SXKD tổng hợp Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.

Từ 08/2018 – 12/2018: Tổ trưởng tổ KSNB Công ty Cổ phần Bê tông Becamex./

Từ tháng 01/2019 đến 12/03/2020: Phó phòng Quản lý tài chính Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

Từ ngày 13/03/2020 đến 14/12/2020: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ ngày 15/12/2020 đến 03/8/2022: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2022): Không.

ÔNG: NGUYỄN THẾ ANH

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm kể từ ngày 19/01/2023)

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 29/3/2023): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ 2005 – 2008: Kỹ sư kết cấu Công ty Structures Việt Nam.

Từ 2009 – 2011: Trưởng phòng thiết kế kết cấu Công ty Structures Việt Nam.

Từ 2012 – 2013: Quản lý BIM | Giám đốc Chi nhánh Hà Nội | Quản lý chất lượng Công ty Structures Việt Nam.

Từ 2014 – 2017: Trưởng phòng thiết kế kết cấu | Quản lý BIM Công ty Structures Việt Nam.

Từ 2017: Giám đốc điều hành BIM Solutions Việt Nam.

Từ 2017 – 1/2021: Giám đốc dự án | Quản lý dự án | Giám đốc thiết kế Công ty Artelia Việt Nam.

Từ 15/1/2021 – 19/01/2023: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2022): Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Ngôi nhà hạnh phúc nhất.

ÔNG: PHẠM HUY HẬU

Chức vụ : Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 29/3/2023): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ 1987 – 1990: Kế toán tại Công ty thủy sản đông lạnh Năm Căn, Cà Mau.

Từ 1991 – 1996: Kế toán Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải, Cà Mau.

Từ 1997 – 2000: Cán bộ Cục Quản lý vốn Minh Hải.

Từ 2000 – 2001: Kế toán Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Tác Vân, Cà Mau.

Từ 2002 – 2005: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng và Kinh doanh nhà Nam Việt.

Từ 2005 – 2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Bao bì Việt – thuộc Daso Group.

Từ 2008 – 9/2009: Kế toán trưởng Công ty liên doanh tư vấn thiết kế và kỹ thuật xây dựng M.E.I

Từ 9/2009 - 03/2021: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

14/5/2019 - 31/12/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 01/2021 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2022): Thành viên BKS Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm có sự thay đổi trong Ban điều hành như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm kể từ ngày 04/5/2022
2	Lê Hùng Lam	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 03/8/2022

Số lượng cán bộ công nhân viên tính đến 31/12/2022

Chi tiêu	Năm 2022	
	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ	249	100%
Cao học	2	0,8%
Đại học	41	16,5%
CD & TC	12	4,8%
CN Kỹ thuật	45	18,1%
Lao động phổ thông	149	59,8%
Theo hợp đồng	249	100%
HĐLĐ không xác định thời hạn	131	52,6%
HĐLĐ có thời hạn	118	47,4%
HĐLĐ thử việc	0	0%

Những thay đổi trong các chính sách quản lý nhân sự

Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Đánh giá nguồn nhân lực và bố trí sắp xếp lại theo yêu cầu công việc, thực hiện tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định đảm bảo chất lượng đầu vào và có chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm.

Luôn chú trọng công tác đào tạo người lao động để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc của Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ phù hợp quy định của Bộ luật Lao động, Luật BHXH và các quy định pháp luật hiện hành.

Chính sách lương thưởng - phúc lợi:

Đặc thù tính chất ngành xây dựng là ngành thâm dụng về lao động, vì thế trong các năm vừa qua, Công ty luôn đảm bảo các lợi ích của nhân viên khi làm việc và cống hiến tại Công ty, cụ thể:

- Cải thiện chính sách lương thưởng phù hợp với từng vị trí công việc nhằm ghi nhận năng lực và kết quả công việc của người lao động, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.
- Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những nhân viên có năng lực quản lý, điều hành góp phần mang lại lợi ích cho Công ty.
- Chính sách chăm lo đời sống cho nhân viên cũng được Công ty chú trọng phát huy như: Lương tháng 13; tổ chức các chương trình thường niên dành cho nhân viên nữ, quà cho con em cán bộ công nhân viên nhân ngày 1/6... Ngoài ra, do tính chất đặc thù của ngành nghề kinh doanh, Công ty có các khoản phụ cấp phù hợp cho nhân viên công tác tại các công trình như: phụ cấp đi lại, phụ cấp công tác, phụ cấp đặc biệt cho các công trình xa, phụ cấp bằng hiện vật.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn...theo quy định hiện hành của pháp luật. Hàng năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ nhân viên Công ty. Phối hợp với tổ chức đoàn thể thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, hiếu hỷ, thai sản...
- Thường xuyên khảo sát môi trường làm việc để kịp thời xem xét, thay đổi cho phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các dự án trong năm: Không có

Các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư góp vốn

Đvt: Đồng

S T T	CHI TIẾT	ĐVT	CÔNG TY CON	ĐẦU TƯ, GÓP VỐN		
			ABC	BMI	HIC	BHCC
1	Vốn góp của Công ty đều thời điểm 31/12/2022	Đồng	13.666.500.000	47.134.351.200	24.900.000.000	-
2	Tổng giá trị tài sản	Đồng	22.478.612.724	1.258.197.194.958	486.440.586.828	
3	Doanh thu thuần	Đồng	2.626.684.067	200.613.152.592	255.808.258.058	-

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

STT	CHI TIẾT	ĐVT	CÔNG TY	ĐẦU TƯ, GÓP VỐN			
			CON	BMJ	HJC	BHCC	
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	-1.841.226.132	33.156.893.445	- 596.726.220	-	
5	Lợi nhuận khác	Đồng	-114.600	-221.518.338	25.902.329.553	-	
6	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	-1.841.340.732	32.935.375.107	25.305.603.333	-	
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-1.841.340.732	26.060.816.277	20.782.365.280	-	

4. Tình hình tài chính**Tình hình tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC**

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.166.675.025.784	2.090.916.897.269
2	Doanh thu thuần	340.035.235.924	640.689.808.806
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.385.358.501	99.602.285.860
4	Lợi nhuận khác	2.574.599.559	4.672.581.938
5	Lợi nhuận trước thuế	45.959.958.060	104.274.867.798
6	Lợi nhuận sau thuế	37.008.953.698	82.816.856.890

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Tình hình tài chính hợp nhất

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.175.563.025.601	2.099.774.620.511
2	Doanh thu thuần	352.999.336.076	642.233.570.321
3	LN từ hoạt động kinh doanh	43.523.449.277	98.533.737.254
4	LN khác	3.739.346.867	4.672.467.338
5	LN trước thuế	47.262.796.144	103.206.204.592
6	LN sau thuế	38.497.402.252	81.593.658.179

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty mẹ**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,76	2,14
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,57	1,1
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,6	0,42
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,51	0,73
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	0,61	0,74
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,35	0,39
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	11%	13%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	8%	9,9%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	3,8%	5,1%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	13%	16%

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,81	2,17
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,61	1,12
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,6	0,42
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,47	0,73
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	0,63	0,75
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,34	0,39
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	10,1%	12,7%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	7,8%	9,6%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	3,7%	5%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	12%	15%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**5. Cơ cấu cổ đông****Cổ phần**

Nội dung	Chi tiết	Tỷ lệ
Mã CK	ACC	
Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phần	
Thị trường niêm yết	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh	
Tổng số cổ phần đang lưu hành	104.999.993	100%
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông	

- Tất cả số cổ phần đang lưu hành đều là cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 104.999.493 cổ phần.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 500 cổ phần.

Ngày 15/02/2022, Công ty kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên thành 1.049.999.930.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông: (Theo Danh sách cổ đông ACC chốt ngày 29/03/2023)

	Số lượng	Số CP SH	Tỷ lệ
Cá nhân trong nước	1580	70.294.600	66,947
+ Chưa lưu ký	23	314.514	0,300
+ Đã lưu ký	1557	69.980.086	66,648
Tổ chức trong nước	12	26.393.090	25,136
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	12	26.393.090	25,136
CỘNG TRONG NƯỚC	1592	96.687.690	92,084
+ Chưa lưu ký	23	314.514	0,300
+ Đã lưu ký	1569	96.373.176	91,785
Cá nhân nước ngoài	43	470.765	0,448
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	43	470.765	0,448
Tổ chức nước ngoài	12	7.841.538	7,468
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	12	7.841.538	7,468
CỘNG NƯỚC NGOÀI	55	8.312.303	7,916
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	55	8.312.303	7,916
TỔNG CỘNG	1.647	104.999.993	100,00

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (Tên cũ: Công ty Cổ phần Bê tông Becamex) thành lập với số vốn góp ban đầu là 60.000.000.000 đồng. Cùng với sự phát triển của Công ty, vốn điều lệ lần lượt thay đổi như sau:

Thời điểm	Giá trị thay đổi	Vốn điều lệ sau khi thay đổi (đồng)	Phương thức thay đổi
Năm 2008	60.000.000.000		Thành lập
Năm 2010	40.000.000.000	100.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và cho người lao động theo chương trình ESOP
Năm 2021	200.000.000.000	300.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu
Năm 2022	749.999.930.000	1.049.999.930.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có giao dịch

Các chứng khoán khác

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng lớn từ thiên tai và biến đổi khí hậu, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, Công ty phải luôn hướng đến trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, thực hiện sản xuất, thi công đúng quy trình để đưa ra các sản phẩm đảm bảo tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, đây cũng là một trong những định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC luôn chú trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tất cả các dự án mà Công ty thực hiện luôn cố gắng giảm thiểu tối đa các tác động ảnh hưởng đến môi trường do hoạt động sản xuất, thi công của Công ty đem lại.

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Trong năm 2022, Công ty đã nhập khối lượng lớn các nguồn nguyên vật liệu khác nhau phục vụ sản xuất các sản phẩm và thi công chính của Công ty như: nhựa đường, bê tông, thép, cát, đá, xi măng, xăng, dầu các loại..., các loại vật liệu xây dựng, thiết bị điện nước để phục vụ cho thi công.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường và ngược lại tác động của môi trường cũng tạo nên những thuận lợi hay khó khăn nhất định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ý thức được rõ những tác động mà hoạt động sản xuất kinh doanh gây ra cho môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm quản lý và sử dụng tốt nhất nguồn nguyên vật liệu để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh.

6.2 Tiêu thụ năng lượng điện

Điện (KWh)		Tỷ lệ 2022/2021
2021	2022	
849.910	787.430	(7.9%)

Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ năng lượng, Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm hiểu, áp dụng các phương án sử dụng năng lượng hiệu quả nhất để tiết kiệm năng suất tiêu thụ điện nhằm đảm bảo được an ninh năng lượng Nhà nước, tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp như: tắt tất cả các thiết bị điện văn phòng, nhà máy khi không có nhu cầu sử dụng nhằm giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng, sử dụng các thiết bị điện như đèn chiếu sáng, máy lạnh...dòng tiết kiệm điện.

6.3 Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn nước tại Xí nghiệp cấp nước Khu liên hợp – Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương, lượng nước tiêu thụ trong năm 2022 là 7.938m³, giảm 129.4% so với năm 2021.

Chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn nước

Tại các công trình thi công, Công ty luôn triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm nhất, triển khai áp dụng các biện pháp tái sử dụng nước nếu có thể.

Đội bảo trì thường xuyên kiểm tra và khắc phục đường ống dẫn nước khi có sự cố để tránh rò rỉ, thất thoát nguồn tài nguyên nước.

Tận dụng nguồn nước từ sông Thị Tinh để bảo dưỡng cống bê tông cốt thép, tưới cây xanh, chống bụi khu vực xung quanh trạm sản xuất và nhà máy.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu luật định liên quan đến tác động môi trường, là một trong những yếu tố cấu thành hành động và trách nhiệm với môi trường và xã hội. Trong hoạt

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

động kinh doanh của mình, Công ty luôn xem xét các tiêu chí Xanh là một trong những yêu cầu đối với công tác thiết kế và thi công trên công trường đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực thi công và các vùng lân cận, nhờ đó làm tăng giá trị doanh nghiệp đối với khách hàng và góp phần bảo vệ môi trường một cách thiết thực hơn.

Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo vệ sinh an toàn trong các nhà máy sản xuất, kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo đúng quy định.

Bình Dương ACC cam kết toàn thể nhân viên Công ty nhận thức và hành động hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường.

Số lần vi phạm và tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Trong năm 2022 và các năm trước đó, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về môi trường vì vậy Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật về môi trường.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2022 là 249 người. Thu nhập bình quân 9.997.938 đồng/người/năm.

Trình độ chuyên môn chia ra như sau

Trình độ trên đại học: 2 người, chiếm 0,8% Tổng lao động.

Trình độ Đại học: 41 người, chiếm 16,5% Tổng lao động.

Trình độ Cao đẳng và trung cấp: 12 người, chiếm 4,8% Tổng lao động.

Trình độ sơ cấp, chứng chỉ nghề và công nhân kỹ thuật: 45 người, chiếm 18,1% Tổng lao động.

Lao động phổ thông: 149 người, chiếm 59,8% Tổng lao động.

Công ty luôn hướng đến việc xây dựng môi trường lao động tốt, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo đúng quy định của pháp luật như: Chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm, phúc lợi phù hợp, đảm bảo mức thu nhập tương đối cho người lao động.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Luôn chú trọng giải quyết đủ việc làm và thanh toán lương đầy đủ cho người lao động. Công tác khám sức khỏe được thực hiện định kỳ hàng năm. Bên cạnh đó còn có chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Nhân dịp Tết Nguyên Đán hàng năm, Công đoàn Công ty tổ chức tặng cho toàn thể nhân viên những phần quà nhằm chăm lo đầy đủ phúc lợi cho người lao động.

Hoạt động đào tạo người lao động

Tập trung công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, bổ sung đội ngũ CBCNV đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng năm tất cả nhân viên được tham dự khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và tập huấn PCCC có sự hướng dẫn của Công An PCCC tỉnh Bình Dương.

Xem xét cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ khi có nhu cầu.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tuân thủ các chính sách tại địa phương hoạt động với mong muốn góp một phần vào sự phát triển chung của xã hội. Cam kết với định hướng phát triển bền vững bằng tất cả trách nhiệm và đạo đức kinh doanh của một doanh nghiệp, đề cao giá trị doanh nghiệp trong mối quan hệ với sự phát triển tốt đẹp của cộng đồng và xã hội.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Xác định năng lực, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp để xác định và lựa chọn sản phẩm mục tiêu để phát triển.

Tìm kiếm, xây dựng các mối liên kết và phát triển mạng lưới cung ứng.

Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

Bảo vệ môi trường là hành động mang tính cấp thiết nhằm xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Xác định đây là tiêu chí quan trọng trong phương hướng và chiến lược xây dựng xã hội văn minh, cuộc sống xanh.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2022, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể nhân viên đã đem lại kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

DVT: Đồng

Stt	Chi tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.093.227.230.646	700.183.364.119	64,0%
	<i>Sản xuất, kinh doanh & thi công BTNN</i>	160.046.146.151	153.096.898.252	95,7%
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	424.433.518.134	353.296.087.752	83,2%
	<i>Công BTCT, cấu kiện BTDS</i>	86.094.114.306	53.420.033.146	62,0%
	<i>Doanh thu cung cấp HHDV, cho thuê XMTB</i>	40.000.000.000	80.876.789.656	202,2%
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	31.653.452.055	52.513.412.189	165,9%
	<i>Bất động sản</i>	350.000.000.000	-	0,0%
	<i>Thu nhập khác</i>	1.000.000.000	6.980.143.124	698,0%
2	Tổng chi phí	973.097.133.509	595.908.496.321	61,2%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	120.130.097.137	104.274.867.798	86,8%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.552.037.709	82.816.856.890	85,8%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Trong năm 2022, nền kinh tế có dấu hiệu khởi sắc, mặc dù chịu ảnh hưởng chung của dịch bệnh và nhiều bất ổn khác dẫn đến tình hình lạm phát tăng nhanh, thị trường bất động sản suy giảm, giá cả chi phí đầu vào, chi phí nguyên vật liệu tăng cao, giá xăng dầu biến động do tình trạng khan hiếm... Vì vậy, dù không đạt kế hoạch đề ra nhưng việc đạt được mức lợi nhuận 223,77% so với năm 2021 là kết quả của sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự nỗ lực, đồng lòng của toàn thể người lao động.

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Biến động	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
A. Tài sản ngắn hạn	790.142.761.814	100%	1.869.934.282.067	89%	1.079.791.520.253	137%
<i>1. Tiền</i>	<i>79.766.456.613</i>	<i>10%</i>	<i>109.672.542.782</i>	<i>6%</i>	<i>29.906.086.169</i>	<i>37%</i>
<i>2. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>176.232.006.344</i>	<i>22%</i>	<i>849.673.625.036</i>	<i>45%</i>	<i>673.441.618.692</i>	<i>382%</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	174.783.335.999	22%	277.781.985.711	15%	102.998.649.712	59%
Trả trước cho người bán	1.668.821.610	0%	90.963.670.025	5%	89.294.848.415	5351%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Phải thu ngắn hạn khác	384.197.721	0%	481.539.704.505	26%	481.155.506.784	125236%
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(604.348.986)	0%	(611.735.205)	0%	(7.386.219)	1%
3. Hàng tồn kho	533.402.220.710	68%	908.296.428.376	49%	374.894.207.666	70%
4. Tài sản ngắn hạn khác	742.078.147	0%	2.291.685.873	0%	1.549.607.726	209%
Chi phí trả trước ngắn hạn	742.078.147	0%	2.291.685.873	0%	1.549.607.726	209%
Thuế GTGT được khấu trừ		0%		0%	-	
B. Tài sản dài hạn	376.532.263.970	100%	220.982.615.202	11%	(155.549.648.768)	-41%
1. Các khoản phải thu dài hạn	255.000.000.000	68%	100.000.000.000	45%	(155.000.000.000)	-61%
2. Tài sản cố định	17.284.405.179	5%	9.677.393.114	4%	(7.607.012.065)	-44%
TSCĐ hữu hình	8.975.544.110	2%	9.667.827.696	4%	692.283.586	8%
Nguyên giá	109.703.060.295		111.388.941.375		1.685.872.080	
Giá trị hao mòn lũy kế	(100.727.525.185)		(101.721.113.679)		(993.588.494)	
TSCĐ vô hình	8.308.861.069	2%	9.565.418	0%	(8.299.295.651)	-100%
Nguyên giá	13.478.567.330		1.709.431.617		(11.769.135.713)	
Giá trị hao mòn lũy kế	(5.169.706.261)		(1.699.866.199)		3.469.840.062	
3. Đầu tư tài chính dài hạn	85.880.851.200	23%	85.186.528.671	39%	(694.322.529)	-1%
Đầu tư vào công ty con	13.666.500.000	4%	13.666.500.000	6%	-	0%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	73.681.851.200	20%	73.681.851.200	33%	-	0%
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.647.500.000)	0%	(2.341.822.529)	-1%	(694.322.529)	42%
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	180.000.000	0%	180.000.000	0%	-	0%
4. Tài sản dài hạn khác	18.367.007.591	5%	26.118.693.417	12%	7.751.685.826	42%
Chi phí trả trước dài hạn	18.367.007.591	5%	26.118.693.417	12%	7.751.685.826	42%
TỔNG TÀI SẢN	1.166.675.025.784		2.090.916.897.269		924.241.871.485	79%
C. Nợ phải trả	701.043.988.426	60%	883.020.294.180	42%	181.976.305.754	26%
1. Nợ ngắn hạn	448.237.710.679	64%	871.776.577.355	99%	423.538.866.676	94%
Phải trả người bán ngắn hạn	82.579.759.195	12%	98.351.853.669	11%	15.772.094.474	19%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.921.713.138	1%	106.954.641.673	12%	97.032.928.535	978%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.382.655.200	1%	14.320.325.446	2%	6.937.670.246	94%
Phải trả người lao động	3.038.699.541	0%	2.973.878.226	0%	(64.821.315)	-2%
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.985.697.622	2%	10.088.532.283	1%	(898.165.339)	-8%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Phải trả ngắn hạn khác	1.216.050.417	0%	1.274.951.070	0%	58.900.653	5%
Vay ngắn hạn	329.486.544.295	47%	634.538.056.757	72%	305.051.512.462	93%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.196.907.983	0%	1.359.375.050	0%	162.467.067	14%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.428.683.288	0%	1.914.963.181	0%	(513.720.107)	-21%
2. Nợ dài hạn	252.806.277.747	36%	11.243.716.825	1%	(241.562.560.922)	-96%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	242.055.273.973	35%	999.500.000	0%	(241.055.773.973)	-99,6%
Dự phòng phải trả dài hạn	10.751.003.774	2%	10.244.216.825	1%	(506.786.949)	-5%
D. Vốn chủ sở hữu	465.631.037.358	40%	1.207.896.603.089	58%	742.265.565.731	159%
Vốn góp chủ sở hữu	300.000.000.000	144%	1.049.999.930.000	87%	749.999.930.000	250%
Thặng dư vốn cổ phần	1.344.945.181	1%	(2.615.654.819)	0%	(3.960.600.000)	-294%
Vốn khác chủ sở hữu	9.055.511.950	4%	9.055.511.950	1%	-	0%
Quỹ đầu tư phát triển	56.123.821.471	27%	56.123.821.471	5%	-	0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	99.106.758.756	48%	95.332.994.487	8%	(3.773.764.269)	-4%
<i>Lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>62.097.805.058</i>	<i>30%</i>	<i>12.516.137.597</i>	<i>1%</i>	<i>(49.581.667.461)</i>	<i>-80%</i>
<i>Kỳ này</i>	<i>37.008.953.698</i>	<i>18%</i>	<i>82.816.856.890</i>	<i>7%</i>	<i>45.807.903.192</i>	<i>124%</i>
TỔNG NGUỒN VỐN	1.166.675.025.784		2.090.916.897.269		924.241.871.485	

Căn cứ vào bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2022: quy mô về vốn và tài sản của Công ty năm 2022 so với năm 2021 tăng 79,2% tương ứng 924,2 tỷ đồng là do trong năm công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 1.049 tỷ.

📌 **Trong cơ cấu tài sản:** Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao (89,4%) trong tổng tài sản hình thành năm 2022 và tăng 136,7% tương ứng 1.080 tỷ so với năm 2021 chủ yếu ở các chỉ tiêu:

- Khoản phải thu tăng là do các khoản doanh thu ghi nhận tăng đáng kể vào thời điểm quý 4.2022 đến từ hoạt động bán hàng và thi công xây dựng.
- Hàng tồn kho (tăng 70,3%) do các công trình của Công ty còn đang thi công dở dang chưa nghiệm thu và quyết toán vào thời điểm 31/12/2022 và công ty đầu tư vào một số hàng hóa bất động sản là các lô đất thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Với cơ cấu tài sản hiện tại của công ty phản ánh sự linh hoạt trong chính sách tài chính để Công ty ổn định và phát triển tốt thể hiện qua hiệu quả kinh doanh năm 2022 mang lại.

➤ Tình hình nợ phải trả

- Cơ cấu nợ phải trả của Công ty năm 2022 chiếm 40% trên tổng nguồn vốn điều này phản ánh công ty đang quản lý rủi ro từ những khoản nợ khá tốt mặc dù nợ phải trả năm 2022 tăng gần gấp đôi so với năm 2021.
- Nhìn chung tỷ trọng của các chỉ tiêu còn lại trong cơ cấu nợ phải trả so với tổng nguồn vốn vẫn giữ mức cân bằng so với năm trước.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Quản trị công ty theo tình hình thực tế từng thời điểm, nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường đề xuất HĐQT xem xét công tác đầu tư mang lại hiệu quả cao nhất.

Đẩy mạnh công tác tiếp thị, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo uy tín với khách hàng.

Thắt chặt công tác quản lý chi phí nhằm hạn chế tối đa việc lãng phí. Chú trọng công tác bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật.

Quản lý và sử dụng linh hoạt, hợp lý lao động hiện có, xây dựng và điều chỉnh các chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút và duy trì được đội ngũ lao động chất lượng thông qua các chính sách lương thưởng theo kết quả làm việc, đảm bảo quyền và nghĩa vụ đối với người lao động theo luật lao động và có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.

Ban điều hành xây dựng các chính sách tiền lương, thưởng các chế độ phúc lợi cho người lao động, các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc được đề xuất tăng lương trước thời hạn.... để người lao động yên tâm công tác và cống hiến hết sức mình vào sự nghiệp phát triển chung của Công ty.

Nghiêm túc thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn liền với môi trường và cộng đồng.

Kế hoạch phát triển trong năm 2023

Dự đoán tình hình thuận lợi và khó khăn trong năm 2023 cùng với tình hình thực tế tại Công ty trong thời gian qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và đề ra phương hướng thực hiện cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC:

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng doanh thu	700.183.364.119	1.095.812.246.544
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	104.274.867.798	122.481.183.038
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	82.816.856.890	98.432.906.431

Nguồn: Dự thảo Tài liệu DHDCĐTĐN năm 2023

Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2023

DVT: Đồng

Su	Chi tiêu	Thực hiện hợp nhất năm 2022	Kế hoạch hợp nhất năm 2023
1	Tổng doanh thu	702.139.192.802	1.104.898.246.544
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	642.233.570.321	1.089.508.446.544
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	52.925.479.357	14.389.800.000
1.3	Thu nhập khác	6.980.143.124	1.000.000.000
2	Tổng chi phí	598.932.988.210	981.335.063.506
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	103.206.204.592	123.563.183.038
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	81.593.658.179	99.514.906.431

Nguồn: Dự thảo Tài liệu ĐHCĐTN năm 2023

Để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh đề ra như trên, trong năm 2023 Ban Tổng giám đốc sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường kinh doanh truyền thống; tăng cường tiếp cận các dự án, công trình của các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu.
- Chú trọng công tác hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ các định mức, nhân công, ca máy... để đảm bảo và quản lý tốt hoạt động sản xuất, thi công.
- Nâng cao năng lực, đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.
- Tăng cường giám sát, kiểm tra tra máy móc thiết bị để có biện pháp sửa chữa kịp thời, giảm tối thiểu các trường hợp hư hỏng nặng. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng để duy trì ổn định, giảm tiêu hao nguyên liệu, từ đó góp phần giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh.
- Nắm bắt cơ hội phát triển các ngành nghề kinh doanh khác bên cạnh các ngành nghề truyền thống; nắm bắt thông tin thị trường và đánh giá đúng tình hình thực tiễn của Công ty để đưa ra các biện pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
- Phát huy lợi thế từ nguồn nhân lực nhiều kinh nghiệm, không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ điều hành, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động. Đưa ra những chính sách khen thưởng, chế độ phúc lợi thích hợp để kịp thời khuyến khích người lao động có thành tích tốt trong công việc gắn bó đồng hành cùng Công ty.
- Chú trọng công tác an toàn lao động, giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình từ sản xuất đến thi công, từ nhà máy đến công trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

HDQT thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ về các số liệu: sản xuất, doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu về tình hình tái sản...

Trong năm 2022, HDQT đã rất quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch được DHDCD phê duyệt.

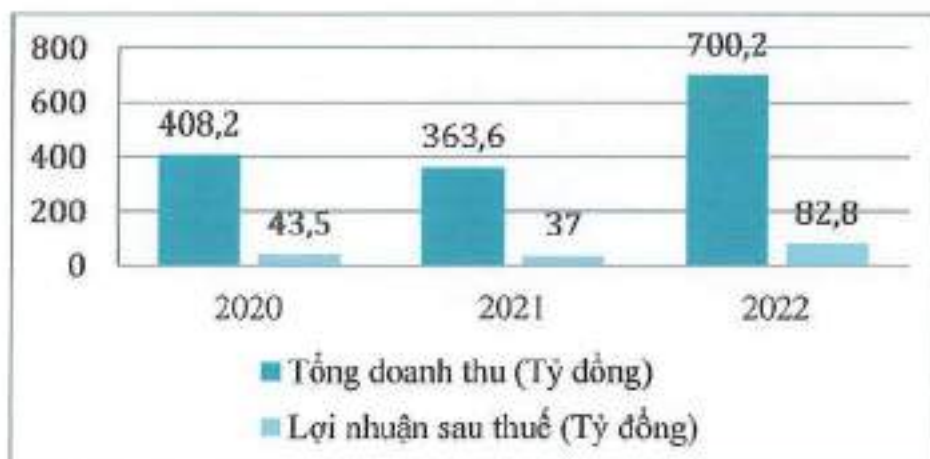
Được sự chỉ đạo sâu sát của HDQT, với quyết tâm, nỗ lực đồng lòng của toàn thể người lao động và Ban lãnh đạo đã đem lại kết quả kinh doanh như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.093.227.230.646	700.183.364.119	64,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	120.130.097.137	104.274.867.798	86,8%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.552.037.709	82.816.856.890	85,8%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2022, với vai trò, nghĩa vụ và quyền hạn của mình Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền về những mặt hoạt động sau:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế quản lý tài chính.
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin nhằm đảm bảo thông tin được công bố chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định pháp luật.
- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, đầu tư và sử dụng nguồn vốn, tình hình công nợ, đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng.
- Phối hợp tích cực với công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của Công ty để có thể đề ra các quyết sách kịp thời đảm bảo duy trì và tăng cường quản lý rủi ro cho Công ty.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành, bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT, hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2022.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đạt được của năm 2022, dự báo những thuận lợi và khó khăn trong năm 2023, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 Công ty mẹ ACC:

DVT: Đồng

Sr	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng doanh thu	700.183.364.119	1.095.812.246.544
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	104.274.867.798	122.481.183.038
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	82.816.856.890	98.432.906.431

Nguồn: Dự thảo Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2023

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 hợp nhất:

DVT: Đồng

Sst	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng doanh thu	702.139.192.802	1.104.898.246.544
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	103.206.204.592	123.563.183.038
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	81.593.658.179	99.514.906.431
3.1	Lợi ích cổ đông công ty mẹ	82.330.194.473	99.082.106.431
3.2	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(736.536.294)	432.800.000

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán và Dự thảo Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2023

Để đạt được mục tiêu kế hoạch nêu trên, trong năm 2023 Hội đồng quản trị đưa ra các giải pháp trọng tâm như sau:

- Củng cố và phát triển thương hiệu, khẳng định uy tín trên thị trường thông qua việc mở rộng thị trường kinh doanh, phát huy thế mạnh những lĩnh vực kinh doanh truyền thống, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

- Tăng cường mở rộng sản xuất tại địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh lân cận, Công ty sẽ tập trung đầu tư máy móc, thiết bị, nhà xưởng để sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng áp dụng công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu của khách hàng truyền thống của Công ty trong các năm tiếp theo.

- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đúng với phương án đã công bố nhằm đem lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Theo dõi sát diễn biến, tình hình thị trường để kịp thời định hướng, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, đem lại hiệu quả cao nhất.

- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; kiện toàn công tác nhân sự; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra để phát hiện kịp thời nhằm cảnh báo, ngăn ngừa và hạn chế rủi ro; chú trọng hoạt động quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo Công ty phát triển bền vững.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính: khai thác hiệu quả các nguồn vốn và quỹ hiện có, đa dạng các hình thức huy động vốn...

QUẢN TRỊ CÔNG TY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HDQT được bầu bởi ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Nhiệm kỳ hiện tại của HDQT (2018-2023) với số lượng 5 thành viên, trong đó cơ cấu:

1 Chủ tịch, 4 thành viên.

Thành viên	Chức danh	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng (Theo danh sách chốt ngày 29/3/2023)	
Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch HDQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu làm CT HDQT kể từ ngày 29/3/2021
Ngô Anh Quân	Thành viên HDQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/6/2020
Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HDQT độc lập	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 02/4/2019
Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên HDQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/6/2020; Miễn nhiệm kể từ ngày 29/4/2022
Nguyễn Thị Loan	Thành viên HDQT độc lập	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/3/2021
Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên HDQT	Sở hữu cá nhân	2.450 CP	Được bầu kể từ ngày 29/4/2022

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị tiếp tục tổ chức và triển khai các hoạt động được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- Triệu tập và chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đã kết thúc đợt chào bán thành công vào ngày 15/02/2022, nâng vốn điều lệ Công ty từ 300 tỷ lên thành 1.049.999.930.000 đồng.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính theo quy định.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng công tác quản trị từ các khâu: quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, quản trị rủi ro...

- Theo dõi sâu sát việc điều hành kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, từ đó có những chỉ đạo và phê chuẩn kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiệu quả.

- Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đặc biệt là việc kiểm tra công tác tài chính. Hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 34 cuộc họp, ban hành 34 Nghị quyết thông qua các chủ trương, vấn đề quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/2022/NQ-HĐQT	15/02/2022	Thông qua việc xử lý cổ phiếu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, cổ phiếu lẻ trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
2	02/2022/NQ-HĐQT	15/02/2022	Thông qua kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và sửa đổi Điều lệ Công ty.
3	03/2022/NQ-HĐQT	21/02/2022	Thông qua việc thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ tại cơ quan đăng ký kinh doanh sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
4	04/2022/NQ-HĐQT	25/02/2022	Thông qua việc ký ban hành Điều lệ Công ty.
5	05/2022/NQ-HĐQT	04/3/2022	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
6	06/2022/NQ-HĐQT	19/3/2022	Thông qua việc ký kết hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội.
7	07/2022/NQ-HĐQT	21/3/2022	Thông qua việc ký kết hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội.
8	08/2022/NQ-HĐQT	01/4/2022	Thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 4.479.600 quyền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
9	09/2022/NQ-HĐQT	04/4/2022	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và Dự thảo Chương trình, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Stt	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
10	10/2022/NQ-HĐQT	08/4/2022	Thông qua các giao dịch giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC với Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP; Công ty Cổ phần Đá Ốp lát An Bình.
11	11/2022/NQ-HĐQT	23/4/2022	Thông qua việc ký kết hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
12	12/2022/NQ-HĐQT	04/5/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc kỹ thuật.
13	13/2022/NQ-HĐQT	08/6/2022	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ (BIDV Tây Hồ).
14	14/2022/NQ-HĐQT	25/6/2022	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
15	15/2022/NQ-HĐQT	30/6/2022	Thông qua việc ký Hợp đồng cấp tín dụng với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (EXIMBANK).
16	16/2022/NQ-HĐQT	20/7/2022	Thông qua việc ký kết hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
17	17/2022/NQ-HĐQT	02/8/2022	Thông qua việc đầu tư tài sản cố định và giao dịch tín dụng với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai.
18	18/2022/NQ-HĐQT	03/8/2022	Thông qua việc ký hợp đồng khám sức khỏe với Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước và miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Lê Hùng Lam.
19	19/2022/NQ-HĐQT	09/9/2022	Thông qua việc ký kết hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
20	20/2022/NQ-HĐQT	13/9/2022	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền.
21	21/2022/NQ-HĐQT	04/10/2022	Thông qua việc ký kết hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
22	22/2022/NQ-HĐQT	01/11/2022	Thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu kết thúc ngày 15/02/2022.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Stt	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
23	23/2022/NQ-HĐQT	05/11/2022	Thông qua việc ký kết hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
24	24/2022/NQ-HĐQT	14/12/2022	Thông qua việc ký kết hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
25	25/2022/NQ-HĐQT	19/12/2022	Thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
26	26/2022/NQ-HĐQT	20/12/2022	Thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
27	27/2022/NQ-HĐQT	20/12/2022	Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, người có liên quan của Công ty.
28	28/2022/NQ-HĐQT	21/12/2022	Thông qua việc ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc thực hiện đàm phán thực hiện đàm phán, quyết định các điều khoản giao kết hợp đồng ủy quyền, định đoạt với ông Nguyễn Thành Tâm, ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh, các hợp đồng, văn bản sửa đổi bổ sung, hủy bỏ, thanh lý hợp đồng (nếu có) với người ủy quyền và các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với các thửa đất tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định pháp luật hiện hành.
29	29/2022/NQ-HĐQT	22/12/2022	Thông qua việc ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc thực hiện đàm phán thực hiện đàm phán, quyết định các điều khoản giao kết hợp đồng ủy quyền, định đoạt với bà Nguyễn Thị Kim Thanh, ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh, các hợp đồng, văn bản sửa đổi bổ sung, hủy bỏ, thanh lý hợp đồng (nếu có) với người ủy quyền và các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với các thửa đất tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định pháp luật hiện hành.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Stt	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
30	30/2022/NQ-HĐQT	22/12/2022	Thông qua việc ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc thực hiện đàm thực hiện đàm phán, quyết định các điều khoản giao kết hợp đồng ủy quyền, định đoạt với bà Nguyễn Thị Kim Thanh, ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh, các hợp đồng, văn bản sửa đổi bổ sung, hủy bỏ, thanh lý hợp đồng (nếu có) với người ủy quyền và các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với các thửa đất tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định pháp luật hiện hành.
31	31/2022/NQ-HĐQT	22/12/2022	Thông qua việc đầu tư nhận chuyển nhượng Bất động sản hình thành trong tương lai tại phường Phú Chấn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
32	32/2022/NQ-HĐQT	23/12/2022	Thông qua việc ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc thực hiện đàm thực hiện đàm phán, quyết định các điều khoản giao kết hợp đồng ủy quyền, định đoạt với ông Phan Thanh Quang, ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh, các hợp đồng, văn bản sửa đổi bổ sung, hủy bỏ, thanh lý hợp đồng (nếu có) với người ủy quyền và các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với các thửa đất tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định pháp luật hiện hành.
33	33/2022/NQ-HĐQT	23/12/2022	Thông qua việc ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc thực hiện đàm thực hiện đàm phán, quyết định các điều khoản giao kết hợp đồng ủy quyền, định đoạt với ông Phan Thanh Quang, ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh, các hợp đồng, văn bản sửa đổi bổ sung, hủy bỏ, thanh lý hợp đồng (nếu có) với người ủy quyền và các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với các thửa đất tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định pháp luật hiện hành.
34	34/2022/NQ-HĐQT	26/12/2022	Thông qua việc ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc thực hiện đàm thực hiện đàm phán, quyết định các điều khoản giao kết hợp đồng ủy quyền, định đoạt với ông Nguyễn Thành Tâm, ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh, các hợp đồng, văn bản sửa đổi bổ sung, hủy bỏ, thanh lý hợp đồng (nếu có) với người ủy quyền và các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với các thửa đất tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định pháp luật hiện hành.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị. Đặc biệt với kinh nghiệm và chuyên môn trong quản lý kinh doanh và vai trò của mình trong Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành, nâng cao tính khách quan trong hoạt động của Hội đồng quản trị.

Tất cả các thành viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ đã được phân công. Trên cơ sở các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã đề ra các giải pháp để chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2022, mặc dù không đạt kế hoạch đề ra nhưng cũng đạt được kết quả khả quan.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Hiện tại Thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Công ty vẫn đang theo dõi thời gian tổ chức các khóa đào tạo để đăng ký tham gia và sẽ sớm bổ sung các chứng chỉ cần thiết để báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Ban Kiểm soát**Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Hoàng Văn Anh	Trưởng BKS	0	0%	
Lê Thị Tươi	Thành viên BKS	0	0%	Miễn nhiệm kể từ ngày 29/4/2022
Đào Huỳnh Kim	Thành viên BKS	0	0%	Được bầu kể từ ngày 28/3/2021
Nguyễn Minh Chí	Thành viên BKS	5000	0,005%	Được bầu kể từ ngày 29/4/2022

Hoạt động của Ban kiểm soát**Các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - năm 2023, BKS đã tổ chức 3 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả thành viên và thống nhất các vấn đề sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- * Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022.
- * Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
- * Thống nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2022 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2022 BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

- * Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- * Kiểm tra công tác kế toán, thống kê, lập Báo cáo tài chính đảm bảo tính đầy đủ, hệ thống và nhất quán.
- * Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và người lao động.
- * Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- * Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- * Giám sát việc thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
- * Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

BKS đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, thẩm định các Báo cáo tài chính và thống nhất kết quả kinh doanh năm 2022 với một số chỉ tiêu chính như sau:

Kết quả kinh doanh Công ty mẹ

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.093.227.230.646	700.183.364.119	64,0%
2	Tổng chi phí	973.097.133.509	595.908.496.321	61,2%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	120.130.097.137	104.274.867.798	86,8%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.552.037.709	82.816.856.890	85,8%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Chỉ tiêu tổng doanh thu và lợi nhuận tuy không đạt kế hoạch đề ra nhưng là một kết quả đáng khích lệ trong hoàn cảnh kinh tế xã hội hiện nay của cả nước nói chung và của doanh nghiệp nói riêng.

* Báo cáo tài chính năm 2022 được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán đã phân ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. BKS thống nhất với nội dung của các Báo cáo tài chính trong năm 2022 của Công ty.

* Tuân thủ các quy định và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hạch toán, chế độ báo cáo tài chính.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị tổ chức 34 phiên họp. Các phiên họp được tổ chức đúng trình tự, tuân thủ quy định.

Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò, quyền hạn của mình trong việc hoạch định các chiến lược phát triển Công ty, các Nghị quyết được ban hành đúng thẩm quyền, dựa trên các căn cứ pháp lý phù hợp, kịp thời đáp ứng được yêu cầu thực tiễn kinh doanh và nhu cầu quản trị.

Hội đồng quản trị đã triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đúng theo phương án phát hành và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 đúng thủ tục và thời gian quy định; chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, công tác nghiệm thu, thu hồi công nợ...

Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác

Trong năm 2022, Tổng giám đốc và người điều hành khác đã rất nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc đã trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế đúng tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, thực hiện đầy đủ, kịp thời các công việc được Hội đồng quản trị giao và ủy quyền.

Ban điều hành rất nỗ lực trong việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường cung cấp, giữ vững lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, phát triển lĩnh vực xây dựng dân dụng.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Các người điều hành khác tăng cường công tác quản lý điều hành sát sao, quyết liệt và linh hoạt xuống mỗi phòng ban, bộ phận; đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi, thông suốt.

BKS đánh giá cao sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc kiểm soát giá thành, cạnh tranh giá bán với các đơn vị cùng ngành thông qua việc tăng cường kiểm soát chặt chẽ các định mức, chi phí.

Dánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và cổ đông

BKS luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật. Thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng, nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, có điều kiện đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ giao phó.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2022, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thành viên	Thù lao HĐQT, BKS năm 2021	Lương bình quân tháng trong năm 2022	Thưởng bình quân tháng trong năm 2022	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
Nguyễn Bảo Long	111.000.000	45.000.000	37.500.000	
Đỗ Mạnh Cường	88.800.000			
Ngô Anh Quân	88.800.000	39.983.210	23.333.333	
Nguyễn Thị Loan	88.800.000			
Ban kiểm soát				
Hoàng Văn Anh	96.200.000			
Lê Thị Tươi	74.000.000			
Đào Huỳnh Kim	37.000.000			
Ban Tổng Giám đốc				
Phạm Huy Hậu		32.000.000	31.897.436	
Nguyễn Xuân Cường		35.616.866	29.187.438	
Nguyễn Đức Thuận		35.846.249	34.192.023	
Nguyễn Thị Thúy Vân		35.847.567	30.012.585	
Nguyễn Thế Anh		1.557.548		
Phạm Hữu Nguyên		35.000.000	35.000.000	
Lê Hùng Lam		31.282.382	29.658.419	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:

Stt	Cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ với công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giam	Thời gian giao dịch
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)		
1	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết, tổ chức có liên quan của người nội bộ	7.470.000	24,9%	26.145.000	24,9%	Mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Tháng 02/2022
2	Nguyễn Thị Kim Thanh	Cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết	7.100.112	23,67%	24.850.392	23,67%	Mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Tháng 02/2022
3	Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên HĐQT	700	0,0023%	2.450	0,0023%	Mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Tháng 02/2022
4	Lê Hàng Lan	Phó Tổng GD (Miễn nhiệm kể từ ngày 03/8/2022)	50	0,00017%	175	0,00017%	Mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Tháng 02/2022
5	Đinh Thị Thanh Huyền	Thư ký Công ty	200	0,00067%	1.750	0,0017%	Mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Tháng 02/2022

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HDQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700927878 27/6/2022 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	02/01/2022	Nghị quyết HĐQT số 22/2020/NQ-HDQT ngày 07/12/2020	Hợp đồng mua bán đá xây dựng (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận).
					09/4/2022	Nghị quyết HĐQT số 10/2022/NQ-HDQT ngày 08/4/2022	Hợp đồng thuê xe xúc, giá trị: 18.938.880 đồng.
					23/4/2022	Nghị quyết HĐQT số 11/2022/NQ-HDQT ngày 23/4/2022	Hợp đồng thi công xây dựng 117 căn khu nhà phố thương mại Vietsing square tại phường Phú Chấn, thành phố Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh; giá trị: 145.519.902.823 đồng.
					09/5/2022	Nghị quyết HĐQT số 22/2020/NQ-HDQT ngày 07/12/2020	Phụ lục hợp đồng thi công hệ thống nước mưa, thoát nước thải Khu đô thị liên hợp (1000ha) tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; giá trị: 601.640.636 đồng.
					01/7/2022; 01/8/2022; 01/9/2022	Nghị quyết HĐQT số 10/2022/NQ-HDQT ngày 08/4/2022	Hợp đồng mua bán xi măng và 2 phụ lục điều chỉnh đơn giá của hợp đồng này (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá được hai bên thỏa thuận).
					20/7/2022	Nghị quyết HĐQT số 16/2022/NQ-HDQT ngày 20/7/2022	Hợp đồng thi công đổ bê tông via hè tại Đường ĐT746 tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; giá trị: 3.869.601.355 đồng.
1	Công ty Cổ phần	Tổ chức có	3700927878 27/6/2022 Sở KH và	Số 112/125, ấp Tân	20/7/2022	Nghị quyết HĐQT số 16/2022/NQ-	Hợp đồng thi công đổ bê tông via hè tại Đường ĐT747B tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; giá

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	
Khoáng sản Miền Đông AHP	liên quan của người nội bộ	ĐT tỉnh Bình Dương		Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	20/7/2022	HDQT ngày 20/7/2022	trị: 5.923.108.311 đồng.	
							Hợp đồng thi công đổ bê tông vỉa hè tại Đường ĐT746 tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; giá trị: 7.090.645.198 đồng.	
							Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa tại Khu dân cư 5C, tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; giá trị: 2.585.033.015 đồng.	
					20/7/2022	Nghị quyết HĐQT số 16/2022/NQ- HĐQT ngày 20/7/2022		Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa tại Khu dân cư 5C, tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; giá trị: 2.785.051.677 đồng.
								Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa tại Khu dân cư 5C, tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; giá trị: 1.514.964.185 đồng.
								Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa Đường Mỹ Phước Tân Vạn nối dài tại thị xã Bến Cát, Bình Dương; giá trị: 3.668.218.709 đồng.
					09/9/2022	Nghị quyết HĐQT số 19/2022/NQ- HĐQT ngày 09/9/2022		Hợp đồng thi công vỉa hè tại Khu tái định cư Tân Vĩnh Hiệp, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương; giá trị: 4.099.347.309 đồng.
								Hợp đồng thi công vỉa hè tại CSHT- Khu tái định cư Tân Vĩnh Hiệp, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; giá trị: 14.639.880.743 đồng.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
					20/9/2022	Nghị quyết HĐQT số 11/2022/NQ-HĐQT ngày 23/4/2022	Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng thi công xây dựng 117 căn khu nhà phố thương mại Vietsing square tại phường Phú Châu, thành phố Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh đã ký ngày 23/4/2022 sửa đổi thời gian hoàn thành thi công, giá trị hợp đồng, điều kiện thanh toán.
					04/10/2022	Nghị quyết HĐQT số 21/2022/NQ-HĐQT ngày 04/10/2022	Hợp đồng thi công via hệ tại CSHT-KCN Bầu Bàng, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương; giá trị: 13.295.679.623 đồng.
					05/10/2022	Nghị quyết HĐQT số 21/2022/NQ-HĐQT ngày 04/10/2022	Hợp đồng thi công đường giao thông – hệ thống thoát nước tại Khu dân cư 5F, ấp 5 – Lai Uyên, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương; giá trị: 18.276.898.797 đồng.
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700927878 27/6/2022 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	05/11/2022	Nghị quyết HĐQT số 23/2022/NQ-HĐQT ngày 05/11/2022	Hợp đồng cung cấp và thi công thấm bê tông nhựa tại đường Tạo Lực Mỹ Phước - Bầu Bàng tại địa điểm: thị xã Bến Cát, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, giá trị: 5.022.445.824 đồng.
							Hợp đồng cung cấp và thi công thấm bê tông nhựa tại đường Tạo Lực Mỹ Phước - Bầu Bàng tại địa điểm: thị xã Bến Cát, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, giá trị: 5.264.436.396 đồng.
					05/11/2022	Nghị quyết HĐQT số 23/2022/NQ-HĐQT ngày 05/11/2022	Hợp đồng cung cấp và thi công thấm bê tông nhựa tại công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (Đoạn từ Ngã Tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần) tại địa điểm: thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; giá trị: 6.012.783.798 đồng.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
							Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa tại công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (Đoạn từ Ngã Tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sông Thần) tại địa điểm: thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; giá trị: 4.530.626.957 đồng.
					14/12/2022	Nghị quyết HĐQT số 24/2022/NQ-HĐQT ngày 14/12/2022	7 hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa tại công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (Đoạn từ Ngã Tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sông Thần) tại địa điểm: thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, giá trị lần lượt của các hợp đồng là: 6.203.482.669 đồng, 7.371.474.118 đồng, 7.666.019.377 đồng, 6.126.319.753 đồng, 9.399.327.895 đồng, 1.295.431.098 đồng, 3.480.191.889 đồng.
2	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con; Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3701799724 27/7/2020 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 350, Tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, Phú Giáo, Bình Dương	03/01/2022	Nghị quyết HĐQT số 22/2020/NQ-HĐQT ngày 07/12/2020	Mua bán cát nghiền (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận).
					09/4/2022	Nghị quyết HĐQT số 10/2022/NQ-HĐQT ngày 08/4/2022	Mua bán đá Granite (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận)
3	Công	Cổ	3700504583	Thửa	10/3/2022	Nghị quyết	Thi công hệ thống thoát nước ngoài

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
	Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Đầu Tư Bình Dương	đồng lớn; Tổ chức có liên quan của Người i nội bộ	12/4/2021 Số KH và ĐT tỉnh Bình Dương	đất số 265, Tờ bản đồ 41, Khu phố 3A, phường Thời Hòa, Thị xã Bến Cát, Bình Dương		HĐQT số 22/2020/NQ-HĐQT ngày 07/12/2020	nhà thuộc công trình Nhà ở công nhân tại KDC Ngũ Tượng Khải Hoàn, phường Thời Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị: 403.451.783 đồng.
					23/4/2022	Nghị quyết HĐQT số 22/2020/NQ-HĐQT ngày 07/12/2020	Thi công cải tạo hàng rào tôn công trình: Khu Nhà phố Thương mại tại KDC Ngũ Tượng Khải Hoàn, phường Thời Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị: 83.400.192 đồng.
					04/3/2022	Nghị quyết HĐQT số 22/2020/NQ-HĐQT ngày 07/12/2020	Thi công hàng rào thép gai công trình: Khu Định Cư Việt Sing tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, giá trị: 54.679.899 đồng.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	Tổ chức có liên quan của Người i nội bộ	0500581426 17/03/2008 Số Kế hoạch & Đầu tư Tp Hà Nội	Số 56 phố Lý Tự Trọng, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội	19/3/2022; 22/3/2022; 22/4/2022; 20/9/2022	Nghị quyết HĐQT số 06/2020/NQ-HĐQT ngày 19/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thi công xây dựng 169 căn khu nhà liền kề tại KĐT và DV Vsp Bắc Ninh, phường Phú Châu, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, giá trị: 211.519.350.199 đồng. - Phụ lục Sửa đổi thông tin tài khoản ngân hàng. - Phụ lục sửa đổi giá trị hợp đồng đã ký ngày 19/3/2022 thành: 226.071.364.234 đồng. - Phụ lục sửa đổi thời gian hoàn thành thi công, điều khoản thanh toán và giá trị hợp đồng thành: 226.121.376.987 đồng.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
					21/3/2022	Nghị quyết HĐQT số 07/2020/NQ-HĐQT ngày 21/3/2022	Thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải và cấp nước thuộc công trình Nhà văn phòng 1&2 tại KDC Ngũ Tượng Khải Hoàn, phường Thời Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị: 1.850.652.000 đồng.
					01/4/2022	Nghị quyết HĐQT số 07/2020/NQ-HĐQT ngày 21/3/2022	Phụ lục hợp đồng bổ sung thi công trụ lan can khu nhà văn phòng 1&2 tại KDC Ngũ Tượng Khải Hoàn, phường Thời Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị: 53.844.480 đồng.
5	Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	3700696042 23/01/2015 Số KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Đường TC3, Tổ 6, Khu phố 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	03/8/2022	Nghị quyết HĐQT số 18/2020/NQ-HĐQT ngày 03/8/2022	Hợp đồng khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, giá trị: 97.536.000 đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Đại diện theo pháp luật
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)
Ông Ngô Anh Quân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên (Bầu ngày 29/04/2022)

Ban Tổng giám đốc

Ông Ngô Anh Quân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/01/2023)
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính
Ông Lê Hùng Lam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/08/2022)
Ông Phạm Hữu Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật (Bổ nhiệm ngày 04/05/2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thầy mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Thúy Vân
Phó Tổng giám đốc tài chính
(Theo Giấy ủy quyền số 01/2022/UQ ngày 01/03/2022)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Số: 75 /2023/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Trên Báo cáo kiểm toán số 045/2022/BCKTR.00313 ngày 30/03/2022, kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Vu Binh Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1


Doan Thu Hang
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MÃ SỐ B01- DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.869.934.282.067	790.142.761.814
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	109.672.542.782	79.766.456.613
1. Tiền	111		109.672.542.782	7.766.456.613
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	72.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		849.673.625.036	176.232.006.344
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	277.781.985.711	174.783.335.999
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	90.963.670.025	1.668.821.610
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	305.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	176.539.704.505	384.197.721
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(611.735.205)	(604.348.986)
III. Hàng tồn kho	140		908.296.428.376	533.402.220.710
1. Hàng tồn kho	141	12	908.296.428.376	533.402.220.710
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.291.685.873	742.078.147
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.775.976.608	742.078.147
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		439.637.321	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		76.071.944	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		220.982.615.202	376.532.263.970
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000.000	255.000.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	-	155.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	100.000.000.000	100.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		9.677.393.114	17.284.405.179
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	9.667.827.696	8.975.544.110
- Nguyên giá	222		111.388.941.375	109.703.069.295
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101.721.113.679)	(100.727.525.185)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	9.565.418	8.308.861.069
- Nguyên giá	228		1.709.431.617	13.478.567.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.699.866.199)	(5.169.706.261)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		85.186.526.671	85.880.851.200
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	13.666.500.000	13.666.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	73.681.851.200	73.681.851.200
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(2.341.822.529)	(1.647.500.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	16	180.000.000	180.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		26.118.693.417	18.367.007.591
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	26.118.693.417	18.367.007.591
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.090.916.897.269	1.166.675.025.784

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		883.020.294.180	701.043.988.426
I. Nợ ngắn hạn	310		871.776.577.355	448.237.710.679
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	98.351.853.689	82.579.759.195
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	106.954.641.673	9.921.713.138
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	14.320.325.446	7.382.655.200
4. Phải trả người lao động	314		2.973.878.226	3.038.699.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	10.088.532.283	10.986.697.622
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.274.951.070	1.216.050.417
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	634.538.056.757	329.486.544.295
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	1.359.375.050	1.196.907.983
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.914.963.181	2.428.683.288
II. Nợ dài hạn	330		11.243.716.825	252.806.277.747
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	999.500.000	242.055.273.973
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	10.244.216.825	10.751.003.774
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.207.896.603.089	465.631.037.358
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.207.896.603.089	465.631.037.358
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.049.999.930.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.049.999.930.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.615.654.819)	1.344.945.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.123.821.471	56.123.821.471
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.332.094.487	99.106.758.758
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.516.137.597	62.097.805.058
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		82.816.856.890	37.008.953.698
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.090.916.897.289	1.166.675.025.784

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng

Phạm Huy Hậu

Phó Tổng giám đốc
 Tài chính



Nguyễn Thị Thúy Vân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	640.698.925.233	340.035.235.924
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.116.427	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		640.889.808.808	340.035.235.924
4. Giá vốn hàng bán	11	26	536.917.776.178	289.079.241.437
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.772.032.628	70.955.994.487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	52.513.412.189	21.004.841.427
7. Chi phí tài chính	22	28	24.320.849.463	23.616.070.667
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.626.526.934	22.445.730.908
8. Chi phí bán hàng	25	29	14.415.686.294	9.058.827.788
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	17.946.623.200	15.900.578.958
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		99.602.285.860	43.385.358.501
11. Thu nhập khác	31	30	6.980.143.124	2.578.373.338
12. Chi phí khác	32		2.307.561.186	3.773.779
13. Lợi nhuận khác	40		4.872.581.938	2.574.599.559
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		104.274.867.798	45.959.958.060
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	21.458.010.908	8.951.004.362
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		82.816.856.890	37.008.953.698

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng

Phạm Huy Hậu

Phó Tổng giám đốc
Tài chính



Nguyễn Thị Thúy Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	104.274.867.798	45.959.958.060
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.190.604.354	3.574.648.252
- Các khoản dự phòng	03	357.388.866	707.840.099
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(52.568.344.996)	(21.004.841.427)
- Chi phí lãi vay	06	23.626.526.934	22.445.730.908
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	78.881.042.958	51.683.335.892
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(213.964.714.176)	(243.830.207.172)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(374.894.207.666)	(187.947.229.692)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	105.151.934.107	11.121.138.289
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(639.260.751)	1.009.519.979
- Tiền lãi vay đã trả	14	(23.494.770.812)	(19.023.215.636)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.750.168.194)	(10.171.497.245)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.364.167.792)	(9.942.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(441.074.312.328)	(397.168.097.585)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	21	(3.729.915.825)	(1.054.600.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	54.932.807	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(2.277.000.000.000)	(85.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	1.972.000.000.000	85.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.513.412.189	22.996.841.427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(256.161.570.829)	21.942.241.427
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	749.999.930.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	493.902.371.060	592.680.164.353
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(433.088.178.524)	(258.002.809.834)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(83.672.153.200)	(16.162.976.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	727.141.969.328	319.514.378.119
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	29.906.086.169	(55.711.478.039)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	79.766.456.613	135.477.934.652
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	109.672.542.782	79.766.456.613

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng

Phạm Huy Hậu

Phó Tổng giám đốc
Tài chính



Nguyễn Thị Thủy Vân

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (gọi tắt "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xi nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 02 năm 2022 với mã số doanh nghiệp là 3700926112.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 24/02/2022, vốn điều lệ của Công ty là 1.049.999.930.000 VND, được chia thành 104.999.993 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là ACC.

Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 247 người (tại ngày 31/12/2021 là 253 người).

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn một số loại hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có một công ty con với thông tin chi tiết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Bình Dương	60%	60%	Cất tạo đá và hoàn thiện đá

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.6.

4.5. Các khoản cho vay

Phản ánh các khoản cho vay bằng hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (nếu có).

Dự phòng đối với các khoản cho vay có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.6.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thông thường

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thuế khác, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu và các chi phí liên quan khác bao gồm: Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá trị thị trường vào ngày báo cáo và trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14
Máy móc thiết bị	02 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08
Tài sản cố định khác	06 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Trong đó:

- Chương trình phần mềm: là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 08 năm.
- Chi phí thiết kế sản phẩm: là các chi phí cho hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 08 năm.

4.10. Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

Đầu tư vào công ty con

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.11. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận hạch toán là nợ phải trả.

Đối với trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền thuê đất, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày 30/04/2020 đến 12/06/2052;
- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ

nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả khác... trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay;
- Chi phí phải trả thuê phụ của các hạng mục công trình đã thực hiện đến thời điểm cuối kỳ nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu, quyết toán.

4.15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ; từng kế ước vay, nợ và từng loại tài sản vay, nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay và nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

Công ty vay vốn bằng phát hành trái phiếu thường bao gồm: trái phiếu ngang giá (phát hành trái phiếu với giá đúng bằng mệnh giá của trái phiếu), trái phiếu có chiết khấu (phát hành trái phiếu với giá nhỏ hơn mệnh giá của trái phiếu) và trái phiếu có phụ trội (phát hành trái phiếu với giá lớn hơn mệnh giá của trái phiếu). Công ty theo dõi chi tiết chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và theo thời hạn phát hành trái phiếu. Chiết khấu và phụ trội trái phiếu được xác định và ghi nhận ngay tại thời điểm phát hành trái phiếu. Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội vào chi phí đi vay hoặc để giảm trừ chi phí đi vay theo phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng.

Trường hợp chi phí lãi vay của trái phiếu đủ điều kiện để vốn hóa, khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa tương ứng từng kỳ.

4.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuế tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.21. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chỉ phối của một công ty khác (cùng thuộc Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	305.357.768	397.924.313
Tiền gửi ngân hàng	109.367.185.014	7.368.532.300
Các khoản tương đương tiền	-	72.000.000.000
Cộng	109.672.542.782	79.766.456.613

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan	240.477.815.094	32.207.846.101
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	49.688.488.935	32.207.846.101
Công ty Cổ phần Đá Ốp lát An Bình	648.712.011	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	3.195.039.341	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	186.945.574.807	-
Phải thu khách hàng khác	37.304.170.617	142.575.489.898
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	12.586.024.394	18.421.653.580
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	-	85.099.386.536
Công ty Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	-	24.524.396.090
Phải thu khách hàng khác	24.718.146.223	14.530.053.692
Cộng	277.781.986.711	174.783.335.999

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Là khoản cho vay cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn 1 tháng, lãi suất 6,5%/năm. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi toàn bộ các khoản cho vay đúng thời hạn.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<u>Ngắn hạn</u>	90.963.670.025	1.668.821.610
Trả trước cho người bán là bên liên quan	42.514.515.695	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	42.514.515.695	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	48.449.154.330	1.668.821.610
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản và Xây dựng Nguyên Việt	34.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	12.723.787.799	-
Công ty TNHH Nhóm Kinh Đông Phương	817.502.055	817.502.055
Các đối tượng khác	907.864.476	851.319.555
<u>Dài hạn</u>	-	155.000.000.000
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	155.000.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	-	155.000.000.000
Cộng	90.963.670.025	156.668.821.610

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	176.539.704.505	-	384.197.721	-
Ký quỹ, ký cược	3.344.000	-	11.744.000	-
Tạm ứng	92.944.085	-	381.717.655	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương (1)	175.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.443.416.440	-	10.736.066	-
Dài hạn	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (2)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Cộng	276.539.704.505	-	100.384.197.721	-

(1) Khoản chuyển tiền theo các Biên bản làm việc giữa Công ty và Công ty Cổ phần kinh doanh và Đầu tư Bình Dương để đảm bảo nghĩa vụ cho việc thực hiện đề xuất và ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ tại khu đất ký hiệu TMDV1 - Khu dân cư Ấp 3 Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và dự án khu nhà ở tại lô đất ký hiệu D13A/D13B/D13C/D14 Khu dân cư Ấp 4 Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

(2) Khoản tiền chuyển theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP ("Tổng công ty") để xây dựng nhà ở thương mại và chuyển quyền sử dụng đất tại Khu dân cư 5C, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do Tổng công ty làm chủ đầu tư. Theo đó, Công ty chịu trách nhiệm về việc đầu tư xây dựng nhà và hiệu quả kinh doanh, được hưởng quyền khai thác và hưởng lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh toàn bộ khu nhà ở thương mại. Tổng giá trị Công ty phải chuyển cho Tổng công ty theo Hợp đồng hợp tác là 815.183.800.000 đồng và được thanh toán theo 3 đợt. Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để triển khai xây dựng nhà ở trong năm 2023.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.775.976.608	742.078.147
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	765.397.282	520.643.612
Các khoản khác	1.010.579.326	221.434.535
Dài hạn	26.118.693.417	18.367.007.591
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	205.945.850	89.950.007
Chi phí thuê đất	25.664.460.866	18.241.279.800
Các khoản khác	248.286.701	35.777.784
Cộng	27.894.670.025	19.109.085.738

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	31/12/2022		01/01/2022			
	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc có thể thu hồi VND	Giá trị Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc có thể thu hồi VND	Giá trị Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long	>3 năm	189.298.335	- (189.298.335)	>3 năm	189.298.335	- (189.298.335)
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tân Hưng Phát	>3 năm	173.194.526	- (173.194.526)	>3 năm	173.194.526	- (173.194.526)
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	>3 năm	100.283.494	- (100.283.494)	>3 năm	100.283.494	- (100.283.494)
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Lộc Hoàng Gia	>3 năm	95.089.291	- (95.089.291)	>3 năm	95.089.291	- (95.089.291)
Các đối tượng khác	>3 năm	53.869.559	- (53.869.559)	>3 năm	29.248.828	- (29.248.828)
				Từ 2 - 3 năm	24.820.731	7.386.219
Cộng		611.735.205	- (611.735.205)		611.735.205	7.386.219 (604.348.986)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	583.899.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.081.927.975	-	9.251.241.990	-
Công cụ, dụng cụ	88.686.281	-	145.704.222	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1)	558.582.815.209	-	509.780.836.224	-
Thành phẩm	14.455.814.219	-	13.597.702.232	-
Hàng hoá	326.080.246.962	-	42.836.842	-
- Hàng hóa bất động sản (2)	326.054.060.000	-	-	-
- Hàng hóa khác	26.186.962	-	42.836.842	-
Hàng gửi bán	6.957.750	-	-	-
Cộng	908.296.428.376	-	533.402.220.710	-

(1) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự án Nhà ở hỗn hợp Thương mại dịch vụ Định Hòa I (i)	368.881.036.900	337.106.084.173
Nhà ở hình thành trong tương lai dự án Khu đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh (ii)	68.623.000.000	-
Các Dự án thi công xây lắp	121.078.778.309	172.674.752.051
Cộng	558.582.815.209	509.780.836.224

(i) Là giá trị quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan của Dự án Nhà ở hỗn hợp Thương mại dịch vụ Định Hòa I tại đường Võ Văn Kiệt, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với quy mô khoảng 17.431,3 m² do Công ty làm chủ đầu tư. Dự án đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để được cấp phép và xây dựng trong thời gian tới theo kế hoạch đã được Công ty đề ra.

(ii) Là giá trị các bất động sản thuộc dự án Khu đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh theo các văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

(2) Hàng hóa bất động sản là các lô đất thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thuê đất	Chương trình phần mềm	Chi phí thiết kế sản phẩm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	11.769.135.713	654.359.800	1.055.071.817	13.478.567.330
Phân loại lại	(11.769.135.713)	-	-	(11.769.135.713)
Tại ngày 31/12/2022	-	654.359.800	1.055.071.817	1.709.431.617
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	3.499.383.033	633.127.718	1.037.195.510	5.169.706.261
Khấu hao trong năm	123.429.144	11.666.664	17.876.307	152.972.115
Phân loại lại	(3.622.812.177)	-	-	(3.622.812.177)
Tại ngày 31/12/2022	-	644.794.382	1.055.071.817	1.699.866.199
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	8.269.752.680	21.232.082	17.876.307	8.308.861.069
Tại ngày 31/12/2022	-	9.565.418	-	9.565.418
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	-	619.359.800	1.055.071.817	1.674.431.617

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2022	11.629.778.901	64.291.454.956	32.611.120.099	826.949.158	343.766.181	109.703.069.295
Mua trong năm	-	2.602.693.603	1.127.222.222	-	-	3.729.915.825
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.044.043.745)	-	-	(2.044.043.745)
Tại ngày 31/12/2022	11.629.778.901	66.894.148.559	31.694.298.576	826.949.158	343.766.181	111.388.941.375
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2022	11.560.468.971	61.034.045.356	26.962.295.519	826.949.158	343.766.181	100.727.525.185
Khấu hao trong năm	59.598.494	1.221.810.859	1.756.222.886	-	-	3.037.632.239
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.044.043.745)	-	-	(2.044.043.745)
Tại ngày 31/12/2022	11.620.067.465	62.255.856.215	26.674.474.660	826.949.158	343.766.181	101.721.113.679
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2022	69.309.930	3.257.409.600	5.648.824.580	-	-	8.975.544.110
Tại ngày 31/12/2022	9.711.436	4.638.292.344	5.019.823.916	-	-	9.667.827.696
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	11.513.241.185	57.879.908.362	18.411.758.269	826.949.158	343.766.181	88.975.623.175
Giá trị còn lại TSCĐ đảm bảo cho các khoản vay	-	2.329.136.018	868.055.556	-	-	3.197.191.574

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2022			01/01/2022		
	Tỷ lệ sở hữu biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con			13.666.500.000			13.666.500.000
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	60,00%	60,00%	(694.322.529)	60,00%	60,00%	13.666.500.000
Đầu tư vào đơn vị khác			73.681.851.200			73.681.851.200
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	4,27%	4,27%	-	14,93%	14,93%	47.134.351.200
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	12,45%	12,45%	-	12,45%	12,45%	24.900.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	10,98%	10,98%	1.647.500.000	10,98%	10,98%	1.647.500.000
Cộng			87.348.351.200			87.348.351.200

16. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY BÁO HẠN DÀI HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Dài hạn	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Trái phiếu	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Cộng	360.000.000	360.000.000	360.000.000	360.000.000

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là 18 trái phiếu CTG1929T2/01_4979, mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành ngày 27/09/2019, thời gian đáo hạn 10 năm, lãi suất của trái phiếu là lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MAU SỐ B09 - DN

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán các bên liên quan	19.636.363	19.636.363	1.268.620.776	1.268.620.776
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	19.636.363	19.636.363	89.172.000	89.172.000
Công ty Cổ phần Địa ốc lát An Bình	-	-	1.054.356.030	1.054.356.030
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	-	-	125.092.746	125.092.746
Phải trả người bán khác	98.332.217.306	98.332.217.306	81.311.138.419	81.311.138.419
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	20.030.128.740	20.030.128.740	14.191.211.600	14.191.211.600
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	13.608.254.000	13.608.254.000	9.311.731.300	9.311.731.300
Phải trả cho các đối tượng khác	64.693.833.566	64.693.833.566	57.808.195.519	57.808.195.519
Cộng	98.351.853.669	98.351.853.669	82.579.759.195	82.579.759.195

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
	Thuế giá trị gia tăng	4.696.639.675	7.365.793.021	12.062.432.696	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.612.482.732	21.458.010.908	9.750.168.194	14.320.325.446	14.320.325.446	14.320.325.446	14.320.325.446	
Thuế thu nhập cá nhân	73.532.793	4.156.150.474	4.305.755.211	(76.071.944)	(76.071.944)	(76.071.944)	(76.071.944)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	
Cộng	7.382.655.200	32.982.954.403	26.121.356.101	14.244.253.502	14.244.253.502	14.244.253.502	14.244.253.502	

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

7.382.655.200

76.071.944
14.320.325.446

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	9.538.756.336
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	-	9.538.756.336
Người mua trả tiền trước khác	106.954.641.673	382.956.802
Công ty Cổ phần Phát triển Hệ thống Kỹ thuật Becamex Bình Phước	49.187.388.698	-
Bà Lưu Thị Hồng Nhung	34.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	13.794.340.993	-
Tổng Công Ty Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP	9.038.417.997	-
Khách hàng khác	334.493.985	382.956.802
Cộng	<u>106.954.641.673</u>	<u>9.921.713.138</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	9.444.037.469	9.130.318.936
Chi phí dịch vụ và thi công	-	1.248.203.136
Các khoản khác	644.494.814	608.175.550
Cộng	<u>10.088.532.283</u>	<u>10.986.697.622</u>

21. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31.303.970	63.867.164
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	358.154.200	30.313.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	885.492.900	1.121.870.253
Cộng	<u>1.274.951.070</u>	<u>1.216.050.417</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B09 - DN

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ VND
	01/01/2022	31/12/2022		Số có khả năng trả nợ VND	
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
Vay ngắn hạn	329.486.544.295	737.802.190.986	432.750.678.524	634.538.056.757	634.538.056.757
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (1)	137.284.726.078	148.906.160.603	163.278.822.284	122.912.064.397	122.912.064.397
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (2)	112.523.903.610	236.131.758.517	170.427.115.775	178.228.546.352	178.228.546.352
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (3)	77.282.274.607	106.370.251.930	95.941.900.465	87.710.626.072	87.710.626.072
Ngân hàng Chính sách Xã hội - PGD Thị xã Bến Cát	2.395.640.000	707.200.000	3.102.840.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (4)	-	450.000.000	-	450.000.000	450.000.000
Trái phiếu phát hành (5)	-	245.236.819.936	-	245.236.819.936	245.236.819.936
- Mệnh giá	-	250.000.000.000	-	250.000.000.000	250.000.000.000
- Chi phí phát hành	-	(4.763.180.064)	-	(4.763.180.064)	(4.763.180.064)
Vay dài hạn	242.055.273.973	7.468.545.963	248.524.319.936	999.500.000	999.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (4)	-	1.787.000.000	787.500.000	999.500.000	999.500.000
Trái phiếu phát hành (5)	242.055.273.973	5.681.545.963	247.736.819.936	-	-
- Mệnh giá	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-	-
- Chi phí phát hành	(7.944.726.027)	(7.944.726.027)	(2.263.180.064)	-	-
Cộng	571.541.818.268	571.541.818.268	681.274.998.460	635.537.556.757	635.537.556.757

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngân hàng

STT	Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 300268746/2022-HĐCVHM/NHCT680-ACC ngày 02/08/2022	300	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ, tối đa không quá 9 tháng	Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.300268746/2021/HĐBĐ/NHCT680-ACC ký ngày 15/03/2021 và Hợp đồng thế chấp động sản số 01.300268746/2022/HĐBĐ/NHCT680-ACC-MMTB ngày 30/03/2022 và các văn bản bổ sung (nếu có)
(2)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Số 01/2022/2451719/HĐTD ngày 15/06/2022	250	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ	Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2019/2451719/HĐBĐ ngày 25/12/2019 giữa bên thứ 3 và Ngân hàng
(3)	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	Số 1800-LAV-220055537 ngày 30/06/2022	90	Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ	Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bia BK 075011, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03506 so Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh bình dương cấp ngày 28/12/2012.
(4)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 300268746/2022-HĐCVNT/NHCT680-ACC ngày 30/03/2022	50	Thanh toán các chi phí hợp lệ hợp pháp, để thực hiện các Phương án/Dự án đầu tư Tài sản cố định	48 tháng	Hợp đồng thế chấp động sản số 01.300268746/2022/HĐBĐ/NHCT680-ACC-MMTB

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Thông tin chi tiết về trái phiếu

(5) Trái phiếu	Loại trái phiếu	Số lượng TP	Mệnh giá	Lãi suất	Thời hạn trái phiếu	Mục đích phát hành	Tài sản đảm bảo
Trái phiếu ACCCH2123001	Trái phiếu doanh nghiệp không có quyền chuyển đổi	2.500.000	VND 100 nghìn	%/năm 10,2%/năm	Kỳ hạn 24 tháng và thanh toán vào các ngày 25/08 và 25/02 hàng năm. Ngày đáo hạn 25/08/2023.	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh bất động sản	Tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất của các bên đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ

Lịch trả nợ vay dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	450.000.000	-
Từ 2 - 5 năm	999.500.000	-
Cộng	1.449.500.000	-

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.359.375.050	1.196.907.983
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.359.375.050	1.196.907.983
Dài hạn	10.244.216.825	10.751.003.774
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	10.244.216.825	10.751.003.774

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2021	300.000.000.000	1.344.945.181	9.055.511.950	56.123.821.471	80.143.370.352	445.567.548.954					
Lãi trong năm	-	-	-	-	37.008.953.698	37.008.953.698					
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)					
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	(2.175.403.781)	(2.175.403.781)					
Trích thủ lao của HĐQT, BKS	-	-	-	-	(870.161.513)	(870.161.513)					
Tại ngày 01/01/2022	300.000.000.000	1.344.945.181	9.055.511.950	56.123.821.471	99.106.758.756	465.631.037.358					
Tăng vốn trong năm (1)	749.999.930.000	(3.960.600.000)	-	-	-	746.039.330.000					
Lãi trong năm	-	-	-	-	82.816.856.890	82.816.856.890					
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	(83.999.994.400)	(83.999.994.400)					
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (2)	-	-	-	-	(1.850.447.685)	(1.850.447.685)					
Trích thủ lao của HĐQT, BKS (2)	-	-	-	-	(740.179.074)	(740.179.074)					
Tại ngày 31/12/2022	1.049.999.930.000	(2.615.654.819)	9.055.511.950	56.123.821.471	95.332.994.487	1.207.895.603.089					

(1) Trong năm Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, số vốn điều lệ tăng thêm từ việc phát hành thêm cổ phiếu là 749.999.930.000 đồng, tổng chi phí phát hành là 3.960.600.000 đồng. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/2022/NQ-HĐQT ngày 01/11/2022 đã thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn, theo đó số vốn tăng thêm được dùng để thanh toán cho Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp -CTCP theo hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh số 09) và trả nợ ngân hàng trong thời gian từ quý 4/2022 đến quý 3/2023. Công ty đã lập kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm theo đúng phương án đã đề ra, số tiền vốn chưa sử dụng hết trong năm 2022 được sử dụng linh hoạt để tăng thêm thu nhập cho Công ty.

(2) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-HĐCĐ ngày 29/04/2022, chi tiết như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 5%): 1.850.447.685 đồng.
- Trích thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký: 740.179.074 đồng.
- Chi trả cổ tức (tỷ lệ 8%): 83.999.994.400 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	24,90%	261.450.000.000	24,90%	74.700.000.000
Ông Hoàng Xuân Quang	24,13%	253.400.000.000	24,13%	72.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	23,67%	248.503.920.000	23,67%	71.001.120.000
Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	7,79%	81.812.500.000	9,99%	29.976.000.000
Ông Đào Quang Linh	5,00%	52.514.000.000	0,27%	821.800.000
Các cổ đông khác	14,51%	152.319.510.000	17,03%	51.101.080.000
Cộng	100%	1.049.999.930.000	100%	300.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	749.999.930.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.049.999.930.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	83.999.994.400	15.000.000.000

Cổ phiếu:

	31/12/2022	01/01/2022
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	104.999.993	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	104.999.993	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	104.999.993	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	104.999.993	30.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ Cổ phiếu)	10.000	10.000

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	152.737.777.468	80.003.202.983
Doanh thu thi công công trình	488.710.247.076	258.965.449.522
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.250.900.891	1.066.583.419
Cộng	640.698.925.233	340.035.235.924

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	30.173.000.102	22.690.713.110
Công ty Cổ phần Đá Ốp lát An Bình	589.738.192	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	46.181.519.788	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	181.431.087.785	51.515.991.129

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	119.220.209.104	59.987.530.957
Giá vốn thi công công trình	417.081.210.835	209.025.542.184
Giá vốn hoạt động dịch vụ	616.356.239	66.168.296
Cộng	536.917.776.178	269.079.241.437

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.355.212.189	846.641.427
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.239.800.000
Thu từ nhượng quyền bán cổ phiếu	20.158.200.000	17.918.400.000
Cộng	52.513.412.189	21.004.841.427

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	23.626.526.934	22.445.730.908
Dự phòng tổn thất đầu tư	694.322.529	522.335.649
Chi phí tài chính khác	-	648.004.110
Cộng	24.320.849.463	23.616.070.667

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí bán hàng	14.415.686.294	9.058.827.788
Chi phí nhân viên bán hàng	1.989.810.336	2.086.399.105
Chi phí vật liệu, bao bì	80.439.766	81.712.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.679.540	164.679.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.145.168.000	6.656.281.171
Chi phí khác bằng tiền	35.588.652	89.755.302
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.946.623.200	15.900.578.958
Chi phí nhân viên quản lý	10.050.258.650	10.023.703.400
Chi phí vật liệu quản lý	211.609.509	844.084.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	453.484.958	768.777.613
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	7.388.219	4.924.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.627.372.568	3.529.674.377
Chi phí khác bằng tiền	2.593.511.296	726.415.007
Cộng	32.362.309.494	24.959.406.746

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi thanh lý Tài sản cố định	54.932.807	-
Hoàn nhập trích lập dự phòng bảo hành công trình	6.174.185.350	2.578.351.772
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	700.000.000	
Các khoản khác	51.044.967	21.566
Cộng	6.980.143.124	2.578.373.338

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền truy thu, phạt chậm nộp	2.307.434.780	-
Các khoản khác	126.406	3.773.779
Cộng	2.307.561.186	3.773.779

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.052.934.010	162.473.988.501
Chi phí nhân công	43.491.173.520	40.137.079.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.190.604.354	3.574.648.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.227.859.261	107.474.850.093
Chi phí khác bằng tiền	3.229.693.192	2.490.570.252
Cộng	448.192.264.337	316.151.136.160

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	104.274.867.798	45.959.958.060
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.276.200.575	(1.204.936.245)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(2.239.800.000)
Trừ: Chi phí lãi vay loại trừ năm trước	(1.031.360.611)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.307.561.186	1.034.863.755
Thu nhập chịu thuế	106.551.068.373	44.755.021.815
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.110.213.675	8.951.004.362
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	347.797.233	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.458.010.908	8.951.004.362

34. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn sở hữu 24,9% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Tổng giám đốc của Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Hà Nội	Cùng thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Xuân Quang	Cổ đông lớn sở hữu 24,13% vốn điều lệ
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Cổ đông lớn sở hữu 23,67% vốn điều lệ

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	218.181.816	481.240.116
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	493.184.360	2.720.711.682
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	118.716.313.101	15.096.460.455
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	95.946.200.000	-
Chi trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	20.916.000.000	3.735.000.000
Ông Hoàng Xuân Quang	20.272.000.000	3.620.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	19.880.313.600	3.550.056.000
Nhận vốn góp của cổ đông		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	186.750.000.000	-
Ông Hoàng Xuân Quang	181.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	177.502.800.000	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/03/2021)	577.500.000	484.500.000
Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/03/2021)	-	370.500.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/04/2022) Phó Tổng Giám đốc	460.981.593	526.691.303
Ông Ngô Anh Quân	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	493.387.348	395.533.333
Ông Võ Thành Tài	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2021)	-	274.588.343
Ông Phạm Hữu Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	455.000.000	535.000.000
Ông Lê Hùng Lam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/08/2022)	244.237.473	522.087.137
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/01/2023)	18.779.575	139.487.033
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng Giám đốc	485.098.408	427.020.023
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật (Bổ nhiệm ngày 04/05/2022)	457.388.027	385.614.978

Thông tin khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thù lao của Ban kiểm soát	207.200.000	261.000.000

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc lại ngày 31/12/2022.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng

Phạm Huy Hậu



Nguyễn Thị Thúy Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 37

12
G
H
X
Y
Z
[]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị – Đại diện theo pháp luật
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)
Ông Ngô Anh Quân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên (Bầu ngày 29/04/2022)

Ban Tổng giám đốc

Ông Ngô Anh Quân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính
Ông Lê Hùng Lam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/08/2022)
Ông Phạm Hữu Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật (Bổ nhiệm ngày 04/05/2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,



Nguyễn Thị Thúy Vân
Phó Tổng giám đốc tài chính
(Theo Giấy ủy quyền số 01/2022/UQ ngày 01/03/2022)
Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Số: 76/2023/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Trên Báo cáo kiểm toán số 045/2022/BCKTHN-PB.00313 ngày 30/03/2022, kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023



Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2023-055-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B01- DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.889.388.844.329	809.245.653.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	110.327.323.001	92.114.784.125
1. Tiền	111		110.327.323.001	20.114.784.125
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	72.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		864.707.149.808	179.508.841.357
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	277.658.703.104	176.159.016.809
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	91.464.181.835	3.309.185.244
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	319.200.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	176.996.000.074	644.988.290
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(611.735.205)	(604.348.986)
III. Hàng tồn kho	140	12	911.969.583.809	536.796.531.534
1. Hàng tồn kho	141		912.050.951.148	536.659.898.873
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(61.367.339)	(61.367.339)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.364.787.711	823.496.363
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.775.976.608	764.632.893
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		453.875.489	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	134.935.614	58.863.670
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210.386.776.182	366.317.372.222
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000.000	255.000.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	-	155.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	100.000.000.000	100.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		12.052.731.565	20.720.342.432
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	12.043.166.147	12.411.481.363
- Nguyên giá	222		129.962.846.995	128.252.138.424
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.919.680.848)	(115.840.657.061)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	9.565.418	8.308.861.069
- Nguyên giá	228		1.768.931.617	13.538.067.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.759.366.199)	(5.229.206.261)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260		72.214.351.200	72.214.351.200
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	15	73.681.851.200	73.681.851.200
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(1.647.500.000)	(1.647.500.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	16	180.000.000	180.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		26.118.693.417	18.382.678.590
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	26.118.693.417	18.367.007.591
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	15.670.999
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.099.774.620.511	1.175.563.025.601

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MÃ SỐ B01- DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		883.646.263.614	700.477.035.724
I. Nợ ngắn hạn	310		872.263.682.283	447.670.757.977
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	98.745.636.145	81.676.117.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	106.960.924.333	9.951.429.374
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	14.327.672.827	7.417.719.624
4. Phải trả người lao động	314		3.036.942.709	3.138.802.451
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	10.102.168.647	11.121.180.690
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.277.942.634	1.226.853.075
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	634.538.056.757	329.513.064.295
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	1.359.375.050	1.196.907.983
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.914.963.181	2.426.683.288
II. Nợ dài hạn	330		11.382.581.331	252.806.277.747
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	999.500.000	242.055.273.973
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		138.864.506	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	10.244.216.825	10.751.003.774
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.216.128.356.897	475.085.989.877
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.216.128.356.897	475.085.989.877
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.049.999.930.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.049.999.930.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.615.654.819)	1.344.945.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.314.918.377	56.310.978.987
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.836.533.075	99.100.899.151
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.508.338.602	61.495.853.072
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		82.330.194.473	37.605.046.079
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.537.116.314	9.273.654.608
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.099.774.620.511	1.175.563.025.601

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Phạm Huy Hậu



Phó Tổng Giám đốc
 Tài chính

Nguyễn Thị Thủy Vân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B02 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	642.242.686.748	352.999.336.076
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.116.427	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		642.233.570.321	352.999.336.076
4. Giá vốn hàng bán	11	27	539.784.138.931	280.016.502.794
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102.449.431.390	72.982.833.282
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	52.925.479.357	21.022.450.083
7. Chi phí tài chính	22	29	23.626.526.934	24.501.646.303
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.626.526.934	22.403.254.196
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	30	14.415.886.294	9.090.607.747
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	18.798.960.265	16.889.580.038
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98.533.737.254	43.523.449.277
12. Thu nhập khác	31	31	6.980.143.124	3.743.123.706
13. Chi phí khác	32	32	2.307.675.786	3.776.839
14. Lợi nhuận khác	40		4.672.467.338	3.739.346.867
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		103.206.204.692	47.262.796.144
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	21.458.010.908	8.951.004.362
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		154.535.505	(185.610.470)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		81.593.658.179	38.497.402.262
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		82.330.194.473	37.605.046.079
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(736.536.294)	892.356.173
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	860	764

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng

Phạm Huy Hậu



Nguyễn Thị Thủy Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	103.206.204.592	47.262.796.144
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.251.203.156	5.429.679.807
- Các khoản dự phòng	03	(336.933.663)	1.635.892.447
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(52.980.412.164)	(21.022.450.083)
- Chi phí lãi vay	06	23.626.526.934	22.403.254.196
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77.766.588.855	55.709.172.511
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(210.285.781.073)	(248.725.941.996)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(375.191.052.275)	(188.426.298.051)
- Tăng, giảm khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	105.178.155.707	(47.918.307.424)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(616.706.205)	1.037.459.739
- Tiền lãi vay đã trả	14	(23.494.770.812)	(18.980.738.924)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.750.168.194)	(10.171.497.245)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.364.167.792)	(9.942.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(438.757.901.789)	(457.486.593.390)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	21	(3.729.915.825)	(1.054.600.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	54.932.807	3.381.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(2.374.600.000.000)	(85.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.055.400.000.000	85.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.729.974.357	23.014.450.083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(270.145.008.661)	25.341.668.266
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	749.999.930.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	493.902.371.050	588.706.684.353
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(433.114.698.524)	(254.002.809.834)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(83.672.153.200)	(15.162.976.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	727.115.449.326	319.540.898.119
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	18.212.538.876	(112.604.027.006)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	92.114.784.125	204.718.811.131
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	110.327.323.001	92.114.784.125

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Phạm Huy Hậu



Nguyễn Thị Thủy Vân

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (gọi tắt "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xi nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 02 năm 2022 với mã số doanh nghiệp là 3700926112.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 24/02/2022, vốn điều lệ của Công ty là 1.049.999.930.000 VND, được chia thành 104.999.993 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là ACC.

Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 254 người (tại ngày 31/12/2021 là 266 người).

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 – KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất kinh doanh bê công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn một số loại hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có một công ty con với thông tin chi tiết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Bình Dương	60%	60%	Cất tạo đá và hoàn thiện đá

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty và công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn,

thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.6.

4.5. Các khoản cho vay

Phản ánh các khoản cho vay bằng hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (nếu có).

Dự phòng đối với các khoản cho vay có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.6.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thông thường

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thuê khác, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu và các chi phí liên quan khác bao gồm: Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá trị thị trường vào ngày báo cáo và trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14
Máy móc thiết bị	02 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08
Tài sản cố định khác	06 - 08

4.9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Trong đó:

- Chương trình phần mềm: là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 08 năm.
- Chi phí thiết kế sản phẩm: là các chi phí cho hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 08 năm.

4.10. Đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.11. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận hạch toán là nợ phải trả.

Đối với trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền thuê đất, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày 30/04/2020 đến 12/06/2052;
- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chỉ hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phải hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay, chi phí phải trả khác... trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khối ước vay;
- Chi phí phải trả thầu phụ của các hạng mục công trình đã thực hiện đến thời điểm cuối kỳ nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu, quyết toán.

4.15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thương mại (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ; từng khối ước vay, nợ và từng loại tài sản vay, nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay và nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

Công ty vay vốn bằng phát hành trái phiếu thương mại bao gồm: trái phiếu ngang giá (phát hành trái phiếu với giá đúng bằng mệnh giá của trái phiếu), trái phiếu có chiết khấu (phát hành trái phiếu với giá nhỏ hơn mệnh giá của trái phiếu) và trái phiếu có phụ trội (phát hành trái phiếu với giá lớn hơn mệnh giá của trái phiếu). Công ty theo dõi chi tiết chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và theo thời hạn phát hành trái phiếu. Chiết khấu và phụ trội trái phiếu được xác định và ghi nhận ngay tại thời điểm phát hành trái phiếu. Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội vào chi phí đi vay hoặc để giảm trừ chi phí đi vay theo phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng.

Trường hợp chi phí lãi vay của trái phiếu đủ điều kiện để vốn hóa, khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa tương ứng từng kỳ.

4.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời

gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi cho vay và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuận, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.21. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chỉ phối của một công ty khác (cùng thuộc Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	373.763.131	610.049.682
Tiền gửi ngân hàng	109.953.559.870	19.504.734.443
Các khoản tương đương tiền	-	72.000.000.000
Cộng	110.327.323.001	92.114.784.125

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan	240.314.532.487	32.226.895.399
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	49.688.488.935	32.207.846.101
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	3.680.468.745	19.049.298
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	186.945.574.807	-
Phải thu khách hàng khác	37.344.170.617	143.932.121.410
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	12.586.024.394	18.421.653.580
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp CTCP	-	85.099.386.536
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	-	24.524.396.090
Các khoản phải thu khách hàng khác	24.758.146.223	15.886.685.204
Cộng	277.658.703.104	176.159.016.809

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	91.464.181.835	3.309.185.244
Trả trước cho người bán là bên liên quan	43.015.027.505	1.640.363.634
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	43.015.027.505	1.640.363.634
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	48.449.154.330	1.668.821.610
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản và Xây dựng Nguyễn Việt	34.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	12.723.787.799	-
Công ty TNHH Nhóm Kinh Đông Phương	817.502.055	817.502.055
Các nhà cung cấp khác	507.864.476	851.319.555
Dài hạn	-	155.000.000.000
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	155.000.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương (*)	-	155.000.000.000
Cộng	91.464.181.835	158.309.185.244

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Là các hợp đồng cho cá nhân vay có thời hạn 1 tháng, lãi suất 6,5%/năm. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty mẹ và Công ty con đã thu hồi toàn bộ số dư các khoản cho vay nêu trên đúng thời hạn.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	176.996.000.074	-	644.988.290	-
Lãi dự thu hợp đồng cho vay	195.505.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	3.344.000	-	11.744.000	-
Tạm ứng	92.944.085	-	361.717.655	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương (1)	175.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.704.207.009	-	271.526.635	-
Dài hạn	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (2)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Cộng	276.996.000.074	-	100.644.988.290	-

(1) Khoản chuyển tiền theo các Biên bản làm việc giữa Công ty và Công ty Cổ phần kinh doanh và Đầu tư Bình Dương để đảm bảo nghĩa vụ cho việc thực hiện đề xuất và ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ tại khu đất ký hiệu TMDV1 - Khu dân cư Ấp 3 Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và dự án khu nhà ở tại lô đất ký hiệu D13A/D13B/D13C/D14 Khu dân cư Ấp 4 Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

(2) Khoản tiền chuyển theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp CTCP ("Tổng công ty") để xây dựng nhà ở thương mại và chuyển quyền sử dụng đất tại Khu dân cư 5C, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do Tổng công ty làm chủ đầu tư. Theo đó, Công ty chịu trách nhiệm về việc đầu tư xây dựng nhà ở và hiệu quả kinh doanh, được hưởng quyền khai thác và hưởng lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh toàn bộ khu nhà ở thương mại. Tổng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

giá trị Công ty phải chuyển cho Tổng công ty theo Hợp đồng hợp tác là 815.183.600.000 đồng và được thanh toán theo 3 đợt. Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để triển khai xây dựng nhà ở trong năm 2023.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.775.976.608	764.632.693
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	765.397.282	543.198.158
Các khoản khác	1.010.579.326	221.434.535
Dài hạn	26.118.693.417	18.367.007.591
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	205.945.850	89.950.007
Chi phí thuê đất	25.664.460.866	18.241.279.800
Các khoản khác	248.266.701	35.777.784
Cộng	27.894.670.025	19.131.640.284



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B09-DN/HN

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2022		01/01/2022					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long	>3 năm	189.298.335	- (189.298.335)		>3 năm	189.298.335	- (189.298.335)	
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tân Hưng Phát	>3 năm	173.194.526	- (173.194.526)		>3 năm	173.194.526	- (173.194.526)	
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	>3 năm	100.283.494	- (100.283.494)		>3 năm	100.283.494	- (100.283.494)	
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Lộc Hoàng Gia	>3 năm	95.089.291	- (95.089.291)		>3 năm	95.089.291	- (95.089.291)	
Các đối tượng khác	>3 năm	53.869.559	- (53.869.559)		>3 năm	29.248.828	- (29.248.828)	
					Từ 2 - 3 năm	24.620.731	7.386.219	(17.234.512)
Cộng		611.735.205	- (611.735.205)			611.735.205	7.386.219	(604.348.986)

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.278.300.508	-	9.509.871.530	-
Công cụ, dụng cụ	88.666.261	-	145.704.222	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1)	559.256.999.057	-	510.356.922.137	-
Thành phẩm	16.750.042.417	(61.367.339)	16.804.584.142	(61.367.339)
Hàng hoá	328.669.985.154	-	42.836.842	-
- Hàng hóa bất động sản (2)	326.054.060.000	-	-	-
- Hàng hóa khác	26.186.962	-	42.836.842	-
Hàng gửi bán	6.957.750	-	-	-
Cộng	912.050.951.148	(61.367.339)	536.859.898.873	(61.367.339)

(1) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự án Nhà ở hỗn hợp Thương mại dịch vụ Định Hòa I (i)	368.881.036.900	337.106.084.173
Nhà ở hình thành trong tương lai dự án Khu đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh (ii)	68.623.000.000	-
Các Dự án thi công xây lắp	121.076.778.309	172.674.752.051
Chi phí sản xuất thành phẩm đá, cát	674.183.848	576.085.913
Cộng	559.256.999.057	510.356.922.137

(i) Là giá trị quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan của Dự án Nhà ở hỗn hợp Thương mại dịch vụ Định Hòa I tại đường Võ Văn Kiệt, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với quy mô khoảng 17.431,3 m² do Công ty làm chủ đầu tư. Dự án đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để được cấp phép và xây dựng trong thời gian tới theo kế hoạch đã được Công ty đề ra.

(ii) Là giá trị các bất động sản thuộc dự án Khu đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh theo các văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

(2) Hàng hóa bất động sản là các lô đất thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền thuê đất VND	Chương trình phần mềm VND	Chi phí thiết kế sản phẩm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	11.769.135.713	713.859.800	1.055.071.817	13.538.067.330
Phân loại lại	(11.769.135.713)	-	-	(11.769.135.713)
Tại ngày 31/12/2022	-	713.859.800	1.055.071.817	1.768.931.617
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	3.499.383.033	692.627.718	1.037.195.510	5.229.206.261
Khấu hao trong năm	123.429.144	11.666.664	17.876.307	152.972.115
Phân loại lại	(3.622.812.177)	-	-	(3.622.812.177)
Tại ngày 31/12/2022	-	704.294.382	1.055.071.817	1.759.366.199
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	8.269.752.680	21.232.082	17.876.307	8.308.861.069
Tại ngày 31/12/2022	-	9.565.418	-	9.565.418
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	-	678.859.800	1.055.071.817	1.733.931.617

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B09-DN/HN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2022	18.997.549.267	74.151.590.991	33.932.282.827	826.949.158	343.766.181	128.252.138.424
Mua trong năm	-	2.602.693.603	1.127.222.222	-	-	3.729.915.825
Phân loại lại	(1.158.521.914)	1.158.521.914	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.044.043.745)	-	-	(2.044.043.745)
Điều chỉnh khác	24.836.491	-	-	-	-	24.836.491
Tại ngày 31/12/2022	17.863.863.844	77.912.806.508	33.015.461.304	826.949.158	343.766.181	129.962.846.995
GIÁ TRỊ HAO MÒN LỖY KẾ						
Tại ngày 01/01/2022	18.285.032.995	88.479.837.920	27.925.070.807	826.949.158	343.766.181	115.840.657.061
Khấu hao trong năm	176.166.998	2.049.607.393	1.872.456.650	-	-	4.098.231.041
Phân loại lại	(634.428.688)	634.428.688	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.044.043.745)	-	-	(2.044.043.745)
Điều chỉnh khác	24.836.491	-	-	-	-	24.836.491
Tại ngày 31/12/2022	17.831.607.796	71.163.874.001	27.753.483.712	826.949.158	343.766.181	117.919.680.848
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2022	732.516.272	5.671.753.071	6.007.212.020	-	-	12.411.481.363
Tại ngày 31/12/2022	32.256.048	6.748.932.507	5.261.977.592	-	-	12.043.166.147

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng

Giá trị còn lại TSCĐ đảm bảo cho các khoản vay

17.578.241.448	62.965.592.948	18.919.284.653	826.949.158	343.766.181	100.654.834.368
-	2.329.136.018	868.055.556	-	-	3.197.191.574

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B09- DN/HN

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ số hữu biểu quyết	Tỷ lệ số hữu biểu quyết	Tỷ lệ số hữu biểu quyết	Tỷ lệ số hữu biểu quyết
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP	4,27%	4,27%	4,27%	4,27%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	12,45%	12,45%	12,45%	12,45%
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	10,98%	10,98%	10,98%	10,98%
Cộng				
		VND	VND	VND
		47.134.351.200	47.134.351.200	47.134.351.200
		24.900.000.000	24.900.000.000	24.900.000.000
		1.647.500.000	1.647.500.000	1.647.500.000
		(1.647.500.000)	(1.647.500.000)	(1.647.500.000)
		<u>73.681.851.200</u>	<u>(1.647.500.000)</u>	<u>73.681.851.200</u>
				(1.647.500.000)

16. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Dài hạn				
Trái phiếu	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Cộng	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Công ty mẹ là 18 trái phiếu CTG1929T2/01_4979, mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 27/09/2019, thời gian đáo hạn 10 năm, lãi suất của trái phiếu là lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B09-DN/HN

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	19.636.363	19.636.363	214.264.746	214.264.746
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	-	-	125.092.746	125.092.746
	19.636.363	19.636.363	89.172.000	89.172.000
Các bên khác				
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	98.725.999.782	98.725.999.782	81.461.852.451	81.461.852.451
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	20.030.129.740	20.030.128.740	14.191.211.600	14.191.211.600
Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng - Thương mại Minh Đức Trung	13.608.254.000	13.608.254.000	9.311.731.300	9.311.731.300
Phải trả cho nhà cung cấp khác	6.103.052.567	6.103.052.567	4.714.916.288	4.714.916.288
	58.984.563.475	58.984.563.475	53.243.993.263	53.243.993.263
Cộng	98.745.636.145	98.745.636.145	81.676.117.197	81.676.117.197

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.724.356.718	7.392.525.336	12.116.882.054	-	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.553.619.062	21.458.010.908	9.750.168.194	14.261.461.776	(58.863.670)	14.320.325.446	(68.724.563)	
- Phải thu	(58.863.670)	-	-	-	-	-	-	
- Phải nộp	2.612.482.732	21.458.010.908	9.750.168.194	14.320.325.446	(58.863.670)	14.320.325.446	(68.724.563)	
Thuế thu nhập cá nhân	80.880.174	4.175.700.688	4.325.305.725	4.020.000	4.020.000	-	-	
Thuế tài nguyên	-	4.020.000	6.000.000	-	-	-	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.000.000	-	-	-	-	-	
Cộng	7.358.855.954	33.036.257.232	26.202.375.973	14.192.737.213	14.192.737.213	14.192.737.213	14.192.737.213	

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

58.863.670 134.935.614
7.417.719.624 14.327.672.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B09- DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	9.538.756.336
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	-	9.538.756.336
Người mua trả tiền trước khác	106.960.924.333	412.673.038
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	49.187.388.698	-
Bà Lưu Thị Hồng Nhung	34.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	13.794.340.993	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	9.038.417.997	-
Các đối tượng khác	340.776.645	412.673.038
Cộng	106.960.924.333	9.951.429.374

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí trích trước lãi vay và lãi trái phiếu	9.444.037.469	9.130.318.936
Chi phí dịch vụ và thi công	-	1.248.203.136
Chi phí trích trước khác	658.131.178	742.658.618
Cộng	10.102.168.647	11.121.180.690

21. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31.721.328	74.669.822
BHXH, BHYT, BHTN	2.574.208	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	358.154.200	30.313.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	885.492.900	1.121.870.253
Cộng	1.277.942.634	1.226.853.075

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	329.513.064.295	329.513.064.295	737.802.190.986	432.777.198.524	634.538.056.757	634.538.056.757
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (1)	137.284.726.078	137.284.726.078	148.906.160.603	163.276.822.284	122.912.064.397	122.912.064.397
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (2)	112.523.903.610	112.523.903.610	236.131.758.517	170.427.115.775	178.228.546.352	178.228.546.352
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (3)	77.282.274.607	77.282.274.607	106.370.251.930	95.941.900.465	87.710.626.072	87.710.626.072
Ngân hàng Chính sách Xã hội - PGD thị xã Bến Cát	2.395.640.000	2.395.640.000	707.200.000	3.102.840.000	-	-
Ngân hàng Chính sách Xã hội - PGD huyện Phú Giáo	26.520.000	26.520.000	-	26.520.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	450.000.000	-	450.000.000	450.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (4)	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu phát hành (5)	-	-	245.236.819.936	-	245.236.819.936	245.236.819.936
- Mệnh giá	-	-	250.000.000.000	-	250.000.000.000	250.000.000.000
- Chi phí phát hành	-	-	(4.763.180.064)	-	(4.763.180.064)	(4.763.180.064)
Vay dài hạn	242.055.273.973	242.055.273.973	7.468.545.963	248.524.319.936	999.500.000	999.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (4)	-	-	1.787.000.000	787.500.000	999.500.000	999.500.000
Trái phiếu phát hành (5)	242.055.273.973	242.055.273.973	5.681.545.963	247.736.819.936	-	-
- Mệnh giá	250.000.000.000	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-	-
- Chi phí phát hành	(7.944.726.027)	(7.944.726.027)	5.681.545.963	(2.263.180.064)	-	-
Cộng	571.568.338.268	571.568.338.268	745.270.736.949	681.301.518.460	635.537.556.757	635.537.556.757



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MAU SỐ B09- DN/HN

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngân hàng

STT	Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 300268746/2022-HECVHM/NHCT680-ACC ngày 02/08/2022	300	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ, tối đa không qua 9 tháng	Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.300268746/2021/HĐBĐ/NHCT680-ACC ký ngày 15/03/2021 và Hợp đồng thế chấp động sản số 01.300268746/2022/HĐBĐ/NHCT680-ACC-MMTB ngày 30/03/2022 và các văn bản bổ sung nếu có
(2)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Số 01/2022/2451719/HĐTD ngày 15/06/2022	250	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ	Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2019/2451719/HĐBĐ ngày 25/12/2019 giữa bên thứ 3 và Ngân hàng
(3)	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	Số 1800-LAV-220056537 ngày 30/06/2022	90	Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ	Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bia BK 075011, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03506 số Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh bình dương cấp ngày 28/12/2012.
(4)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 300268746/2022-HECVNT/NHCT680-ACC ngày 30/03/2022	50	Thanh toán các chi phí hợp lệ hợp pháp, để thực hiện các Phương án/Dự án đầu tư Tài sản cố định	48 tháng	Hợp đồng thế chấp động sản số 01.300268746/2022/HĐBĐ/NHCT680-ACC-MMTB

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09-DN/HN

Thông tin chi tiết về trái phiếu

(5) Trái phiếu	Loại trái phiếu	Số lượng TP	Mệnh giá	Lãi suất	Thời hạn trái phiếu	Mục đích phát hành	Tài sản đảm bảo
Trái phiếu ACCCH2123001	Trái phiếu doanh nghiệp không có quyền chuyển đổi	2.500.000	VND 100 nghìn	%/năm 10,2%/năm	Kỳ hạn 24 tháng và thanh toán vào các ngày 25/08 và 25/02 hàng năm. Ngày đáo hạn 25/08/2023.	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh Bất động sản	Tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất của các bên đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ
Lịch trả nợ vay dài hạn							
				31/12/2022	01/01/2022		
				VND	VND		
Trong vòng 1 năm				450.000.000	-		
Từ 2 - 5 năm				999.500.000	-		
Cộng				1.449.500.000	-		

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.359.375.050	1.196.907.983
Dự phòng báo hành công trình xây dựng	1.359.375.050	1.196.907.983
Dài hạn	10.244.216.825	10.751.003.774
Dự phòng báo hành công trình xây dựng	10.244.216.825	10.751.003.774
Cộng	11.603.591.875	11.947.911.757

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B09- DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2021	300.000.000.000	1.344.945.181	-	9.055.511.950	62.760.793.287	99.769.035.810	33.796.289.172	506.726.575.400					
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	37.605.046.079	892.356.173	38.497.402.252					
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.000.000.000)	-	(15.000.000.000)					
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	(2.175.403.781)	-	(2.175.403.781)					
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(870.161.513)	-	(870.161.513)					
Ảnh hưởng thoái vốn AHP	-	-	-	-	(8.449.814.300)	(20.227.617.444)	(25.414.990.737)	(52.062.422.481)					
Tại ngày 01/01/2022	300.000.000.000	1.344.945.181	-	9.055.511.950	56.310.978.987	99.100.899.161	9.273.654.608	475.085.989.877					
Tăng vốn trong năm (1)	749.999.930.000	(3.960.800.000)	-	-	-	-	-	746.039.330.000					
Lãi/Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	82.330.194.473	(736.536.294)	81.593.658.179					
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	(83.999.994.400)	-	(83.999.994.400)					
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	(1.850.447.685)	-	(1.850.447.685)					
Trích thù lao của HĐQT, BKS (2)	-	-	-	-	-	(740.179.074)	-	(740.179.074)					
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	3.939.390	(3.939.390)	-	-					
Tại ngày 31/12/2022	1.049.999.930.000	(2.615.654.819)	-	9.055.511.950	56.314.918.377	94.836.533.075	8.537.118.314	1.216.128.366.897					

(1) Trong năm Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, số vốn điều lệ tăng thêm từ việc phát hành thêm cổ phiếu là 749.999.930.000 đồng, tổng chi phí phát hành là 3.960.800.000 đồng. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/2022/NQ-HĐQT ngày 01/11/2022 đã thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn, theo đó số vốn tăng thêm được dùng để thanh toán cho Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP theo hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh số 09) và trả nợ ngắn hạn trong thời gian từ quý 4/2022 đến quý 3/2023. Công ty đã lập kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm theo đúng phương án đã đề ra, số tiền vốn chưa sử dụng hết trong năm 2022 được sử dụng linh hoạt để tăng thêm thu nhập cho Công ty.

(2) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-HĐCĐ ngày 29/04/2022, chi tiết như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 5%): 1.850.447.685 đồng
- Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký: 740.179.074 đồng
- Chi trả cổ tức (tỷ lệ 8%): 83.999.994.400 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	24,90%	281.450.000.000	24,90%	74.700.000.000
Ông Hoàng Xuân Quang	24,13%	253.400.000.000	24,13%	72.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	23,67%	248.503.920.000	23,67%	71.001.120.000
Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	7,79%	81.812.500.000	9,99%	29.978.000.000
Các cổ đông khác	19,51%	204.833.510.000	17,31%	51.922.880.000
Cộng	100%	1.049.999.930.000	100%	300.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	104.999.993	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	104.999.993	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	104.999.993	30.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ Cổ phiếu)	10.000	10.000

25. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại		
- USD	46,80	53,80

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	153.578.595.371	92.967.303.135
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.953.844.301	1.066.583.419
Doanh thu thi công công trình	486.710.247.078	258.965.449.522
Cộng	642.242.686.748	352.999.336.076

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	30.173.000.102	22.690.713.110
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	93.282.037.202	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP	46.884.463.398	1.758.537.558
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	181.431.087.785	51.515.991.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B09- DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	121.292.980.540	70.924.792.314
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	417.874.822.152	66.168.296
Giá vốn của thi công công trình	616.356.239	209.025.542.184
Cộng	539.784.138.931	280.016.502.794

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.767.279.357	864.250.083
Lãi bán quyền mua cổ phiếu	20.158.200.000	17.918.400.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.239.800.000
Cộng	52.925.479.357	21.022.450.083

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	23.626.526.934	22.403.254.196
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	1.450.387.997
Chi phí phát hành trái phiếu	-	648.004.110
Cộng	23.626.526.934	24.501.646.303

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí bán hàng	14.415.688.294	9.090.607.747
Chi phí nhân công	1.989.810.336	2.066.399.105
Chi phí vật liệu, bao bì	80.439.766	81.712.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.679.540	164.679.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.145.168.000	6.656.281.171
Chi phí khác bằng tiền	35.588.652	121.535.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.798.960.265	16.889.580.038
Chi phí nhân công	10.837.507.511	10.867.783.818
Chi phí vật liệu quản lý	211.609.509	781.838.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	453.484.958	768.777.613
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	7.386.219	4.924.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.692.460.772	3.674.595.039
Chi phí khác bằng tiền	2.593.511.298	788.660.627
Cộng	33.214.848.559	25.980.187.785

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành công trình	6.174.165.350	2.578.351.772
Thanh lý tài sản cố định	54.932.807	1.164.750.297
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	700.000.000	-
Các khoản khác	51.044.957	21.637
Cộng	6.980.143.124	3.743.123.706

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền truy thu, phạt chậm nộp	2.307.548.577	-
Các khoản khác	127.209	3.776.839
Cộng	2.307.675.786	3.776.839

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	224.016.765.347	166.684.736.825
Chi phí nhân công	44.899.302.055	42.262.001.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.251.203.156	5.429.679.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.289.418.881	108.412.408.717
Chi phí khác bằng tiền	3.229.693.192	2.490.570.252
Cộng	452.686.382.631	325.279.395.546

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty mẹ	21.458.010.908	8.951.004.362
Công ty Cổ phần đá ốp lát An Bình	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.458.010.908	8.951.004.362

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	82.330.194.473	25.512.980.622
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.590.626.759)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	82.330.194.473	22.922.353.863
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	95.765.131	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	860	764

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2022, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022.

36. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn sở hữu 24,9% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Tổng giám đốc của Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Hà Nội Ông Hoàng Xuân Quang	Cóng thành viên Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Cổ đông lớn sở hữu 24,13% vốn điều lệ Cổ đông lớn sở hữu 23,67% vốn điều lệ

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày lại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	218.181.816	481.240.116
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	119.754.087.738	24.312.634.150
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	95.946.200.000	-
Chi trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	20.916.000.000	3.735.000.000
Ông Hoàng Xuân Quang	20.272.000.000	3.620.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	19.880.313.800	3.550.056.000
Nhận vốn góp của cổ đông		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	186.750.000.000	-
Ông Hoàng Xuân Quang	181.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	177.502.800.000	-
Thu nhập khác từ thanh lý TSCĐ		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	-	3.381.818.182

Bình Dương, ngày 18 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN BẢO LONG

